

Hải Phòng, ngày 24 tháng 4 năm 2017

Số: 402 /QĐ-YDHP

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chương trình và đề cương chi tiết đào tạo trình độ
Tiến sĩ, chuyên ngành Ngoại tiêu hóa**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25-01-1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ thông tư số 04/2012/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 2 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, thông tư số 33/2013/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, ban hành kèm Thông tư số 04/2012/TT- BGDDT

Căn cứ thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục ngành hoặc chuyên ngành trình độ của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo sau đại học, Trường Bộ môn Ngoại & PTH

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo và đề cương chi tiết trình độ đào tạo, chuyên ngành Ngoại Tiêu hóa, Mã số: 62 72 0125

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Đào tạo Sau đại học, Bộ môn Ngoại & PTH, tài chính kế toán căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để báo cáo)
- Như điều 3
- Lưu ĐTSĐH
- Lưu trữ



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH NGOẠI TIÊU HÓA
MÃ SỐ : 62720701

CƠ SỞ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành ngoại tiêu hoá được xây dựng trên cơ sở pháp lý của các văn bản sau:

1. Luật giáo dục Đại học năm 2012 (Quốc hội khóa XIII ban hành ngày 18/6/2012)
2. Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định 75/2006/NĐ-CP ngày 2/8/2006 .
3. Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật Giáo dục đại học
4. Quy chế Đào tạo trình độ Tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 về việc sửa đổi một số điều của quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ ban hành theo thông tư số 10/2009 /TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
6. Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT – BDGĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
7. Biên bản họp mở mã ngành đào tạo Tiến sĩ Ngoại tiêu hoá của Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Y Dược Hải Phòng được chủ tịch Hội đồng ký ngày 10 tháng 4 năm 2016 .
8. Kết quả thông qua Hội đồng khoa học của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc xây dựng chương trình Đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Ngoại tiêu hoá ngày 16 tháng 8 năm 2016

PHẦN IV. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO: Gồm 3 phần

4.1. Các học phần bổ sung trình độ Thạc sĩ

4.2: Các học phần thuộc ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan.

4.3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

A. Nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ chuyên ngành ngoại cần học:

2.1. Các học phần bổ sung trình độ thạc sĩ (Các môn hỗ trợ, các môn chuyên ngành và các môn tự chọn).

2.2. Các học phần thuộc chương trình tiến sĩ gồm 3 học phần bắt buộc và 1 học phần tự chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài luận án.

2.3. 03 chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

2.4. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

B. Nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ ngoại cần học các học phần

1.1. Các học phần ở trình độ Tiến sĩ

1.2. 03 chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

2.3. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

**PHẦN A. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGOẠI
(TÍNH THEO ĐƠN VỊ TÍN CHỈ/HỌC TRÌNH/TIẾT HỌC)**

Mã số	Tên môn học		Tổng số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố	
					Tín chỉ/Số tiết	
			LT	TH		
1. Phần kiến thức chung			10	180	6/120	3/60
YHTH.501	Triết học		4	60	4/60	0
YHNN.502	Ngoại ngữ chuyên ngành		4	75	3/45	1/30
YHTT.511	Toán Tin ứng dụng		2	45	1/15	1/30
2. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành			22	600	165	435
YHNC.512	Phương pháp luận NCKH		2	45	1/15	1/30
YHPP.513	Phương pháp dạy học		2	45	1/15	1/30
YHSL.521	Sinh lý học nâng cao		2	45	1/15	1/30
YHGP.571	Giải phẫu		2	45	1/15	1/30
YHPT.572	Phẫu thuật thực hành		2	60	1/15	1/45
YHSP.580	Hỗ trợ Sản		2	60	1/15	1/45
YHGM.581	Gây mê hồi sức		2	60	1/15	1/45
YHTM.582	Phẫu thuật Tiêu hóa Gan – Mật		2	60	1/15	1/45
YHCC.583	Phẫu thuật Chấn thương chỉnh hình		2	60	1/15	1/45
YHTN.584	Phẫu thuật Tiết niệu		2	60	1/15	1/45
YHTS.585	Phẫu thuật Thần Kinh – Sọ não		2	60	1/15	1/45
3. Phần kiến thức tự chọn			13	270	90	180
YHNN.586	Ngoại Nhi	Chọn 1 trong 2 môn	2	45	1/15	1/30
YHDL.587	Dược lý lâm sàng		2	45	1/15	1/30
YHLN.588	Phẫu thuật lồng ngực	Chọn 1 trong 2 môn	2	45	1/15	1/30
YHHS.589	Hóa sinh - Di ứng - Miễn dịch lâm sàng		3	45	3/45	0
YHTM.590	Phẫu thuật tim mạch	Chọn 1 trong 2 môn	2	45	1/15	1/30
YHCH.591	Chẩn đoán hình ảnh		2	60	1/15	1/45
	Luận văn	13/210				
	Tổng số	58				

PHẦN B. CÁC HỌC PHẦN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Mã số	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố ĐVHT/tiết học	
			LT	TH
Các học phần bắt buộc				
YHGP.571	Giải phẫu ứng dụng lâm sàng	2	1/15	1/45
YHNS. 593	Phẫu thuật nội soi	2	1/15	1/45
YHNB.592	Cấp cứu ngoại khoa ổ bụng	2	1/15	1/45
	Tổng số	6		
Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong các học phần)				
YHGM.582	Bệnh lý ngoại khoa gan mật	Chọn 1 học phần phù hợp với đề tài nghiên cứu	1/15	1/45
YHTL.583	Bệnh lý ngoại khoa tụy lách		1/15	1/45
YHDD.584	Bệnh lý ngoại khoa thực quản- dạ dày- ruột non		1/15	1/45
YHHM.585	Bệnh lý hậu môn- đại, trực tràng		1/15	1/45
YHBK.586	Bệnh lý chân thương bụng kín		1/15	1/45
YHTV.587	Bệnh lý thoát vị		1/15	1/45
YHCĐ. 591	Chẩn đoán hình ảnh tiêu hóa		1/15	1/45
YHUT.592	Ung thư hệ tiêu hóa		1/15	1/45
Các chuyên đề tiến sĩ				
Chuyên đề 1		5		
Chuyên đề 2		5		
Chuyên đề 3		5		
Chuyên đề Tổng Quan		5		
Tổng		30		
Luận án Tiến sĩ				

Ghi chú:

- + Đối với NCS chưa có bằng Thạc sĩ học các học phần của trình độ đào tạo Thạc sĩ (môn chung và các môn hỗ trợ, các môn tự chọn) trong 2 năm đầu.
- + Đối với các NCS đã có bằng Thạc sĩ học ngay các môn học của trình độ đào tạo Tiến sĩ sau khi có quyết định trúng tuyển NCS.

4.2. BẢNG PHÂN BỐ TỔNG QUÁT CÁC HỌC PHẦN THEO HỌC KỲ

Mã số	Tên chứng chỉ		Số tín chỉ	Học kỳ			
				I	II	III	IV
1. Các học phần bắt buộc ở trình độ thạc sĩ							
YHTH.501	Triết		4	*			
YHNN. 502	Ngoại ngữ chuyên ngành		4	*	*	*	
YHTH.511	Toán -Tin ứng dụng y học		2	*			
YHNC.512	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học		2	*			
YHPP.513	Phương pháp dạy học		2	*			
YHSL.521	Sinh lý học nâng cao		2		*		
YHGP.571	Giải phẫu		2		*		
YHPT.572	Phẫu thuật thực hành		2		*		
YHSP.580	Sản phụ khoa		2		*		
YHGM.581	Gây mê hồi sức		2			*	
YHTM.582	Phẫu thuật Tiêu hoá - Gan mật		2			*	
YHCC.583	Chấn thương - Chỉnh hình		2			*	
YHTN.584	Phẫu thuật Tiết niệu		2			*	
YHTS.585	Phẫu thuật thần kinh - Sọ não		2				
2. Các học phần tự chọn.				2			
YHNN.586	Ngoại nhi	Chọn 1 trong 2 môn	2		*		
YHDL.587	Dược lý lâm sàng		2		*		
YHLN.588	Phẫu thuật lồng ngực	Chọn 1 trong 2 môn	2		*		
YHHS.589	Hoá sinh – Di ứng - Miễn dịch lâm sàng		2		*		
YHTM..590	Phẫu thuật Tim mạch	Chọn 1 trong 2 môn	2		*		
YHCH.591	Chẩn đoán hình ảnh		2		*		

3. Các học phần bắt buộc trình độ tiến sĩ							
YHGP.571	Giải phẫu ứng dụng lâm sàng	2					
YHNS. 593	Phẫu thuật nội soi	2					
YHNB.592	Cấp cứu ngoại khoa ổ bụng	2					
4. Các học phần tự chọn ở trình độ tiến sĩ (Chọn 1 trong các môn học phù hợp với nội dung nghiên cứu của đề tài luận án)							
YHGM.582	Bệnh lý ngoại khoa gan mật	Chọn 1 trong các học phần phù hợp với nội dung đề tài luận án	2				
YHTL.583	Bệnh lý ngoại khoa tụy lách		2				
YHDD.584	Bệnh lý ngoại khoa dạ dày ruột non		2				
YHHM.585	Bệnh lý hậu môn- đại, trực tràng		2				
YHBK.586	Bệnh lý chấn thương bụng kín		2				
YHTV.587	Bệnh lý thoát vị		2				
YHCD.591	Chẩn đoán hình ảnh hệ tiêu hóa		2				
YHUT.592	Ung thư hệ tiêu hóa		2				

A. CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC Ở TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

A. CÁC MÔN HỌC CHUNG

Đề cương môn học:

TRIẾT HỌC

1. Mã số: YHTH.501

2. Số tín chỉ: 04 LT: 4 TH: 0

3. Số tiết học: 60 LT: 60 TH: 0

4. Số giờ tự học: 120

5. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:

Bộ môn Lý luận Chính trị - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Giảng viên giảng dạy:

- ThS - GVC. Đào Nguyên Hùng - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

- ThS - GVC. Nguyễn Tiến Trường - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

- ThS - GVC. Hoàng Thị Minh Hương - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

6. Mô tả môn học:

Những kiến thức về triết học rất cần thiết cho cán bộ làm công tác khoa học, nó trang bị cho cán bộ phương pháp tư duy khách quan, học viên cần vận dụng những kiến thức này trong quá trình học tập, nghiên cứu, thực hành của mình.

7. Mục tiêu môn học:

7.1. Mục tiêu

Môn học cung cấp tri thức khái lược về lịch sử Triết học, nội dung cơ bản của các học thuyết ảnh hưởng nhiều đến đời sống của dân tộc Việt nam và các chuyên đề nhằm góp phần củng cố và phát triển ở người học một thế giới quan khoa học, phương pháp luận khoa học.

Bồi dưỡng tư duy Triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận Triết học cho học viên sau đại học trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc ngành y học. Củng cố nhận thức cơ sở lý luận Triết học của Đường lối cách mạng Việt nam, đặc biệt là chiến lược phát triển con người của Đảng ta.

7.2. Yêu cầu về học thuật.

- Học viên chủ động trong quá trình học tập; kết hợp kiến thức trong giáo trình với bài giảng trên lớp, kiến thức Triết học bậc đại học và các khoa học khác với kiến thức của môn học.
- Phát huy năng lực của mỗi học viên; đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình giảng dạy và học tập.
- Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận khoa học Triết học để góp phần phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên ngành và cuộc sống đặt ra.

8. Điều kiện tiên quyết và bố trí giảng dạy – học tập.

- Điều kiện tiên quyết: Học viên đã học xong các môn lý luận chính trị dành cho sinh viên các trường đại học.
- Bố trí giảng dạy – học tập: là một trong những môn học được bố trí giảng dạy học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo sau đại học.

9. Nhiệm vụ của học viên:

- Nghe giảng viên giới thiệu chương trình và các nội dung cơ bản của môn học.
- Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo theo các chủ đề, câu hỏi và tham gia thảo luận trên giảng đường có sự hướng dẫn của giảng viên.

10. Nội dung chương trình:

STT	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thảo luận (tiết)	Tổng số (tiết)
1	Chương 1: Khái luận về triết học Phần 1: Triết học là gì ? Phần 2 : Triết học phương Đông và Triết học phương Tây	10	4	14
2	Chương 2 : Triết học Mác – Lênin	25	11	36

	Phần 1 : Sự ra đời của Triết học Mác – Lênin Phần 2 : Chủ nghĩa duy vật biện chứng Phần 3 : Phép biện chứng duy vật Phần 4 : Chủ nghĩa duy vật lịch sử Phần 5 : Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay			
3	Chương 3 : Mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học Phần 1 : Mối quan hệ giữa khoa học và Triết học Phần 2 : Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển của khoa học	3	1	4
4	Chương 4 : Vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển xã hội Phần 1 : Ý thức khoa học Phần 2 : Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội Phần 3 : Khoa học công nghệ ở Việt nam	4	2	6
	Tổng	42 tiết	18 tiết	60 tiết

11. Tài liệu học tập

- Giáo trình của Bộ GD&ĐT: Giáo trình Triết học (Dùng cho học viên Cao học & Nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành triết học)
- Giáo trình Triết học Mác – Lênin (Chương trình đại học)
- Lịch sử Triết học – nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà nội

12. Tiêu chuẩn đánh giá kiến thức của học viên.

Tổng hợp gồm 3 phần điểm:

- Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm: không quá 5 học viên/nhóm): 10%
- Bài tiểu luận(thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%
- Bài thi tự luận kết thúc môn học(thời gian làm bài: 90 phút): 60%
- Học viên chủ động trong quá trình học tập; kết hợp kiến thức trong giáo trình với bài giảng trên lớp, kiến thức Triết học bậc đại học và các khoa học khác với kiến thức của môn học.
- Phát huy năng lực của mỗi học viên; đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình giảng dạy và học tập.
- Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận khoa học Triết học để góp phần phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên ngành và cuộc sống đặt ra.

13. Nhiệm vụ của học viên

- Nghe giảng viên giới thiệu chương trình và các nội dung cơ bản của môn học.
- Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo theo các chủ đề, câu hỏi và tham gia thảo luận trên giảng đường có sự hướng dẫn của giảng viên.

1. Phương pháp dạy/học: Áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.

2. Vật liệu để dạy/học: phấn, bảng, máy tính, máy chiếu projector, máy chiếu overhead.

14. Phương pháp đánh giá.

Tiêu chuẩn đánh giá kiến thức của học viên

Tổng hợp gồm 3 phần điểm:

- Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm: không quá 5 học viên/nhóm): 10%
- Bài tiểu luận(thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%
- Bài thi tự luận kết thúc môn học(thời gian làm bài: 90 phút): 60%

14.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- Thi lý thuyết tự luận.

14.2. Cách tính điểm môn học:

1) Kiểm tra 1 (ĐKT1):	Trọng số: 0,1
2) Kiểm tra 2 (ĐKT2):	Trọng số: 0,1
3) Kiểm tra 3 (ĐKT3):	Trọng số: 0,1
4) Thi hết môn (ĐT):	Trọng số: 0,7
5) Tổng số	1,0

Cách tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐKT1} * 0,1) + (\text{ĐKT2} * 0,1) + (\text{ĐKT3} * 0,1) + (\text{ĐT} * 0,7)$$

**Đề cương môn học:
Ngoại ngữ chuyên ngành**

1. Mã số: YHNN. 502
2. Tên học phần: Ngoại ngữ
3. Số tín chỉ: 04 LT: 3 TH: 1
4. Số tiết học: 75 LT: 45 TH: 30
5. Số giờ tự học: 105
6. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng - Bộ môn Ngoại ngữ - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Giảng viên giảng dạy.

ThS - GVC. Nguyễn Thị Hiền - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

ThS – GVC. Nguyễn Thị Thanh Hương - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

ThS. Trần Thị Hòa - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

7. Mục tiêu học phần

- Sinh viên sử dụng được ngữ pháp và vốn từ vựng của trình độ tương đương B1 theo Khung Châu Âu chung.
- Sinh viên giao tiếp được bằng ngoại ngữ tương đương B1 với bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.
- Sinh viên sử dụng Ngoại ngữ để đọc hiểu và tra cứu được các tài liệu chuyên ngành Y
- Sinh viên sử dụng được một số cấu trúc ngữ pháp và từ vựng cơ bản, thường gặp trong y văn.

8. Mô tả học phần:

Học phần được chia làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Sinh viên thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết với trình độ tương đương B1 theo khung Châu Âu. Sinh viên học từ vựng,

ngữ pháp, các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo định hướng của các bài thi lấy chứng chỉ B1.

- Giai đoạn 2: Sinh viên được cung cấp từ vựng chuyên ngành và ngữ pháp thường gặp trong văn phong khoa học và các tài liệu chuyên ngành y.

9. Nội dung chi tiết:

9.1. Giai đoạn 1 (30 tiết cả lý thuyết và thực hành)

STT	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Unit1. Present tenses	1	1	4
2	Unit 2. Past tenses	1	1	4
3	Unit 4. Present perfect simple, present perfect continuous	1	1	4
4	Unit 5. Past perfect simple, past perfect continuous	1	1	4
5	Unit 7. Future time	1	1	4
6	Unit 8. Preposition of time and place	1	1	4
7	Unit 10. The passive 1	1	1	4
8	Unit 11. The passive 2	1	1	4
9	Unit17. Relative clauses	1	1	4
10	Unit 25. So; such; too; enough	1	1	4
11	Unit 26. Comparatives; superlatives	1	1	4

STT	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
12	Unit 28. Conditionals 1	1	1	4
13	Unit 29. Conditionals 2	1	1	4
14	Unit 31. Reported speech	1	1	4
15	Unit 32. Reported questions, orders, requests	1	1	4

9.2. Giai đoạn 2(45 tiết cả lý thuyết và thực hành):

STT	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Unit 1. Shapes and Properties	3	1	8
2	Unit 2. Location	3	1	8
3	Unit 3. Structure	3	1	8
4	Unit 4. Function	6	3	18
5	Unit 5. Actions in sequence	3	1	8
6	Unit 6. Cause and Effect	3	1	8
7	Unit 7. Proportion	3	1	8
8	Unit 8. Quantity	3	1	8
9	Unit 9. Cause and Effect	3	1	8

STT	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
10	Unit 10. Proportion	3	1	8

10. Phương pháp dạy học:

- Thuyết trình, phát vấn
- Làm việc theo cặp/nhóm, thảo luận, đóng vai.

11. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- Phấn, bảng hoặc projector (power point),
- Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

12. Lượng giá:

12.1. Đánh giá ban đầu:

- Hình thức: Trao đổi, đặt ra một số câu hỏi để đánh giá trình độ ngoại ngữ của sinh viên trước khi bắt đầu học phần.

12.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình (Điều kiện dự thi hết học phần)

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.
- Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% số tiết của học phần
- Nếu sinh viên học ít hơn 90% số tiết của học phần thì bị nhận điểm 0 và phải thi lại học phần đó.
- Nếu sinh viên học ít hơn 70% số tiết của học phần thì phải học lại học phần đó.
- Điểm chuyên cần: được đánh giá dựa trên số buổi đi học và thái độ học tập tích cực trên lớp
- 01 bài kiểm tra giữa kỳ. Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.
- Kết hợp điểm chuyên cần và Bài kiểm tra giữa kỳ là tiêu chí để xét Tư cách Sinh viên được dự thi đánh giá cuối kỳ.

12.3. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ

- Thi vấn đáp: Sinh viên thi nói về một số chủ đề đã học.
- Sinh viên phải có kết quả điểm thi vấn đáp (thi nói) từ 5.0 trở lên mới được dự thi bài thi viết hết học phần.
- Thi viết: Dạng bài thi viết 120 phút.

12.4. Cách tính điểm học phần

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức:

$$\text{TKHP lần 1} = (\text{KT Giữa kỳ} + \text{Thi Nói} + \text{Thi Viết})/3$$

Nếu TKHP dưới 5 điểm, sinh viên phải thi lại bằng bài thi Viết lần 2.

Điểm TKHP lần 2 của sinh viên được tính theo công thức sau:

$$\text{TKHP lần 2} = (\text{KT Giữa kỳ} + \text{Thi Nói} + \text{Thi Viết lần 2})/3$$

13. Tài liệu học tập:

Giai đoạn 1: Tài liệu luyện thi B1 Châu Âu: Destination B1 – Grammar and Vocabulary. Macmillan Press.

Giai đoạn 2: Giáo trình English for Medical students (Centre of Human Resources for Health – Ministry of Health).

Đề cương môn học:
MÔN TOÁN TIN ỨNG DỤNG

1. Mã số: YHTT. 511

2. Số tín chỉ: 02

LT: 1

TH: 1

3. Số tiết học: 60

LT: 15

TH: 45

4. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:

Bộ môn Toán Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

- ThS - GVC. Nguyễn Tiến Thắng - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

- ThS - GVC. Nguyễn Thị Hạnh Dung - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

5. Mô tả môn học:

Học phần Toán tin ứng dụng dành cho đối tượng sinh viên Cao học gồm 2 tín chỉ (1 chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành).

Các tiết học lý thuyết được thực hiện trên giảng đường theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp. Các tiết học thực hành: Học viên tự làm bài tập theo cá nhân, theo nhóm, có ứng dụng máy tính để xử lý số liệu dựa phần mềm thống kê SPSS.

6. Mục tiêu môn học:

Sau khi học xong học phần, học viên có thể hiểu được một số phương pháp Toán thống kê cơ bản và nâng cao trong xử lý số liệu nghiên cứu y học.

Vận dụng phần mềm để xử lý số liệu nghiên cứu y học trên máy vi tính. Xử lý được số liệu trong luận án tốt nghiệp cao học.

Tăng cường khả năng tư duy và khả năng làm việc theo nhóm.

7. Nội dung môn học:

Thiết kế cơ sở dữ liệu nghiên cứu. Kiểm tra tính toàn vẹn dữ liệu. Khử sai số và nhiễu.

Thống kê mô tả: Các tham số đặc trưng của tổng thể và mẫu.

Ước lượng trung bình, phương sai, OR, RR, hệ số tương quan tuyến tính,...

Xây dựng đường cong ROC, tìm điểm cắt trong chẩn đoán....

Kiểm định giả thiết thống kê: So sánh hai hoặc nhiều kỳ vọng, ANOVA một nhân tố, ANOVA hai nhân tố, So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra tính độc lập của hai dấu hiệu theo phương pháp Chi Square,...

Các tiêu chuẩn kiểm định phi tham số: Tiêu chuẩn Kolmogorov, kiểm định theo dấu,...

Tương quan đa biến: Hệ số tương quan đa biến, tương quan riêng, phương pháp tìm đường hồi quy đa biến...

Tương quan giữa các biến định tính: Hệ số K, F, P hệ số Sperman, Hệ số Pearson,...

8. Nội dung môn học:

1. Tín chỉ 1: Lý thuyết về Toán tin ứng dụng

Stt	Nội dung bài học	Số tiết	
		Lý thuyết	Tự học
1.	Một số phần mềm thống kê thông dụng, ưu nhược điểm. Cài đặt phần mềm SPSS trên vi tính	2	2
2.	Thiết kế một cơ sở dữ liệu. Kiểm tra tính toán vẹn dữ liệu, các sai số khi xử lý thống kê.	2	2
3.	Mã hóa dữ liệu. Thực hiện các thao tác cơ bản trên dữ liệu.	2	2
4.	Thống kê mô tả, các tham số của quần thể. Các tham số của mẫu, tính các tham số mẫu trên SPSS. Phân phối mẫu, tổ chức đồ tần suất. Ý nghĩa của các tham số.	2	2
5.	Ước lượng trung bình, phương sai, ước lượng xác suất, OR, RR, hệ số tương quan tuyến tính bằng phần mềm SPSS.	2	2
6.	Xây dựng đường cong ROC tìm điểm cắt trong chẩn đoán y học.	2	2
7.	Kiểm định giả thiết thống kê: So sánh hai kỳ vọng, so sánh phương sai, ANOVA one way, ANOVA two way. Thực hiện trên máy tính.	2	2
8.	So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra độc lập giữa các dấu hiệu định tính. Kiểm định chuẩn. Cách xử lý khi dữ liệu không tuân theo luật chuẩn.	3	3
9.	Tiêu chuẩn Kolmogorov, Kiểm định theo dấu,	2	2

	Kiểm định Wilcoxon, kiểm định hạng theo dấu, Kruskal – Wallis, kiểm định đoạn mạch.		
10.	Tương quan đa biến, ma trận tương quan, hệ số tương quan riêng. Lập đường hồi quy đa biến trên máy tính.	3	3
11.	Hồi quy logistic, hồi quy logistic đa biến ứng dụng dự báo xác suất mắc bệnh thông qua các chỉ số xét nghiệm.	2	2
12.	Tương quan giữa các biến định tính. Hệ số tương quan Q, hệ số tương quan F. Hệ số Pearson P. Hệ số Kramer K. Ý nghĩa.	3	3
13.	Hệ số tương quan hạng Sperman, hệ số tương quan theo Kendall. Kiểm định tương quan theo, kiểm định sự độc lập bằng SPSS.	3	3

2. Tín chỉ 1: Thực hành về Toán tin ứng dụng.

Stt	Nội dung bài học	Số tiết	
		Lý thuyết	Tự học
1.	Một số phần mềm thống kê thông dụng, ưu nhược điểm. Cài đặt phần mềm SPSS trên vi tính	2	2
2.	Thiết kế một cơ sở dữ liệu. Kiểm tra tính toán vẹn dữ liệu, các sai số khi xử lý thống kê.	2	2
3.	Mã hóa dữ liệu. Thực hiện các thao tác cơ bản trên dữ liệu.	2	2
4.	Thông kê mô tả, các tham số của quần thể. Các tham số của mẫu, tính các tham số mẫu trên SPSS. Phân phối mẫu, tổ chức đồ tần suất. Ý nghĩa của các tham số.	2	2
5.	Ước lượng trung bình, phương sai, ước lượng xác suất, OR, RR, hệ số tương quan tuyến tính bằng phần mềm SPSS.	2	2
6.	Xây dựng đường cong ROC tìm điểm cắt trong chẩn đoán y học.	2	2
7.	Kiểm định giả thiết thống kê: So sánh hai kỳ vọng, so sánh phương sai, ANOVA one way, ANOVA two way. Thực hiện trên máy tính.	2	2
8.	So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra độc lập giữa các dấu hiệu định tính. Kiểm định chuẩn. Cách xử lý khi dữ liệu không tuân theo luật chuẩn.	3	3

9.	Tiêu chuẩn Kolmogorov, Kiểm định theo dấu, Kiểm định Wilcoxon, kiểm định hạng theo dấu, Kruskal – Wallis, kiểm định đoạn mạch.	2	2
10.	Tương quan đa biến, ma trận tương quan, hệ số tương quan riêng. Lập đường hồi quy đa biến trên máy tính.	3	3
11.	Hồi quy logistic, hồi quy logistic đa biến ứng dụng dự báo xác suất mắc bệnh thông qua các chỉ số xét nghiệm.	2	2
12.	Tương quan giữa các biến định tính. Hệ số tương quan Q, hệ số tương quan F. Hệ số Pearson P. Hệ số Kramer K. Ý nghĩa.	3	3
13.	Hệ số tương quan hạng Sperman, hệ số tương quan theo Kendall. Kiểm định tương quan theo, kiểm định sự độc lập bằng SPSS.	3	3

9. Phương pháp dạy học.

Lý thuyết: Giáo viên Thuyết trình, vấn đáp,

Học viên tự nghiên cứu tài liệu.

Thực hành: Học viên tự làm bài tập theo cá nhân hoặc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Với những bài tập đã được giao trước về nhà, đến giờ thực hành học viên trình bày trước giáo viên để kiểm tra năng lực và tính chuyên cần. Kết quả được thực hiện bằng phương pháp thủ công và trên phần mềm SPSS để so sánh kết quả.

10. Tài liệu giảng dạy.

Tài liệu giảng dạy:

Giáo trình Toán tin ứng dụng do Bộ môn Toán, Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn năm 2015.

Tài liệu tham khảo:

Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS tập I, II. Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh, NXB Hồng Đức 2008.

Giáo trình Thống kê Y học dùng cho sau đại học. Bộ môn Toán Đại học Y dược Hải Phòng năm 2013.

Y học thực chứng. Nguyễn Văn Tuấn. Nhà xuất bản Y học năm 2008.

Epidemiology study and data analysis. Mark Woodward. Chapman& Hall/CRC.

Dịch tễ học lâm sàng. Trường Đại học Y Hà Nội - Dương Đình Thiện. Nhà xuất bản Y học 1997.

Giáo trình thống kê y tế công cộng phần 2. Đại học Y tế công cộng. Nhà xuất bản Y học năm 2005.

11. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kiểm tra thực hành: 1 bài vấn đáp (hệ số 1).

Thi hết môn: 1 bài viết hoặc vấn đáp (hệ số 2).

Cách tính điểm môn học:

1) Kiểm tra1(ĐKT1):	Trọng số	0,2
2) Kiểm tra2(ĐKT2):	Trọng số	0,2
3) Thi hết môn:	Trọng số	0,6
4) Tổng số		1,0

Cách tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐKT1} * 0,2) + (\text{ĐKT2} * 0,2) + (\text{ĐT} * 0,6)$$

B. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ

Đề cương môn học:

PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Mã số: YHNC. 512

2. Số tín chỉ: 2

LT : 01

TH: 01

3. Số tiết học: 60

LT : 15

TH: 45

4. Số giờ tự học: 52

5. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Đơn vị phương pháp NCKH – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy

- GS.TS. Phạm Văn Thúc – Trưởng Đơn vị nghiên cứu khoa học - ĐHYD HP.

- PGS.TS. Phạm Văn Hán – Giảng viên Đơn vị nghiên cứu khoa học – ĐHYDHP.

- PGS.TS. Chu Văn Thắng – Khoa YTCC Trường ĐHYHN.

6. Mô tả môn học

Những kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học rất cần thiết cho học viên trong chương trình đào tạo thạc sỹ, giúp cho học viên có phương pháp nghiên cứu chuẩn hoá, hoàn thành luận văn tốt nghiệp và tiếp tục nghiên cứu khoa học sau khi ra trường. Môn học gồm 4 chương:

Chương 1: Chuẩn bị đề cương nghiên cứu

Chương 2: Các loại thiết kế nghiên cứu dịch tễ học ứng dụng trong nghiên cứu y học.

Chương 3: Phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu y học.

Chương 4: Phân tích, trình bày kết quả nghiên cứu và viết báo cáo khoa học

7. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

4.1. Trình bày và phân tích ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học.

4.2. Xây dựng được đề cương nghiên cứu.

4.3. Biết cách thiết kế nghiên cứu, thu thập được số liệu, biết cách viết một báo cáo khoa học.

8. Nội dung:

Tín chỉ 1: Lý thuyết về PPNCKH

STT	Nội dung	Số tiết	
		LT	Tự học
1.	Chương 1: Phương pháp chuẩn bị đề cương NCKH 1. Phân đặt vấn đề, mục tiêu nghiên cứu 2. Tổng quan tài liệu 3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu 4. Dự kiến kết quả nghiên cứu 5. Bàn luận 6. Kết luận	3	6
2.	Chương 2: Các loại thiết kế nghiên cứu dịch tễ học 1. Phương pháp nghiên cứu cắt ngang. 2. Phương pháp nghiên cứu thuần tập. 3. Phương pháp nghiên cứu bệnh chứng. 4. Thử nghiệm lâm sàng ngẫu nhiên có đối chứng.	4	8
3.	Chương 3: Quần thể và mẫu nghiên cứu 1. Quần thể nghiên cứu. 2. Chọn mẫu nghiên cứu trong y học.	4	8
4.	Chương 4 : Phân tích số liệu, trình bày kết quả nghiên cứu, viết báo cáo khoa học 1. Lựa chọn các test thống kê thích hợp trong phân tích số liệu nghiên cứu Y học. 2. Trình bày các kết quả nghiên cứu Y học. 3. Cách viết một báo cáo khoa học (luận văn, luận án).	4	8
	Tổng	15	30

Tín chỉ 1: Thiết kế một đề cương nghiên cứu

STT	Nội dung	Số tiết	
		TH	Tự học
1.	Chương 1: Phương pháp chuẩn bị đề cương NCKH 1. Phân đặt vấn đề, mục tiêu nghiên cứu 2. Tổng quan tài liệu	4	2

	3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu 4. Dự kiến kết quả nghiên cứu 5. Bàn luận 6. Kết luận		
2.	Chương 2 : Phân tích số liệu, trình bày kết quả nghiên cứu, viết báo cáo khoa học 1. Lựa chọn các test thống kê thích hợp trong phân tích số liệu nghiên cứu Y học. 2. Trình bày các kết quả nghiên cứu Y học. 3. Cách viết một báo cáo khoa học (luận văn, luận án).	16	8
3.	Chương 2: Các loại thiết kế nghiên cứu dịch tễ học 1. Phương pháp nghiên cứu cắt ngang. 2. Phương pháp nghiên cứu thuần tập. 3. Phương pháp nghiên cứu bệnh chứng. 4. Thử nghiệm lâm sàng ngẫu nhiên có đối chứng.	16	8
4.	Chương 4 : Phân tích số liệu, trình bày kết quả nghiên cứu, viết báo cáo khoa học 1. Lựa chọn các test thống kê thích hợp trong phân tích số liệu nghiên cứu Y học. 2. Trình bày các kết quả nghiên cứu Y học. 3. Cách viết một báo cáo khoa học (luận văn, luận án).	9	4
	Tổng	45	22

6. Tài liệu học tập:

1. Bài giảng Dịch tễ và thống kê trong nghiên cứu khoa học. Khoa YTCC, Trường đại học Y Dược Hải Phòng
2. Dịch tễ học, Trường đại học Y Hải Phòng 2012

Tài liệu tham khảo:

1. Dịch tễ và thống kê trong nghiên cứu khoa học, nhà xuất bản Y học – Hà Nội 1999
2. Dương Đình Thiện. Dịch tễ học lâm sàng, nhà xuất bản Y học Hà Nội 1997.
3. Nghiên cứu khoa học y học / Lưu Ngọc Hoạt. - H. : Y học, 2016. - 99tr. ; 27cm. Tập 2 : Phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu / Lưu Ngọc Hoạt. - 99tr.

4. Nghiên cứu khoa học y học. - Tái bản lần 1 có bổ sung. - H. : Y học, 2016. - 185tr. ; 27cm. Tập 1 : Phương pháp viết đề cương nghiên cứu. - 185tr.
5. Dịch tễ học : Sách đào tạo sau đại học / Vũ Thị Hoàng Lan. - H. : Y học, 2011. - 202 tr. : minh hoạ ; 27 cm
6. Dịch tễ học các bệnh kiểm dịch quốc tế / Nguyễn Văn Hiếu. - H. : Y học, 1998. - 228tr ; 19cm.
7. Dịch tễ học lâm sàng : T.1. - H. : Y học, 2006. - 261tr. : Hình vẽ
8. Dịch tễ học lâm sàng : T1 / Dương Đình Thiện. - H. : Y học, 1997. - 247 tr.; 24 cm
9. Dịch tễ học lâm sàng : Tập 2. - H. : Y học, 2004. - 347tr. : hình vẽ, bảng
10. Dịch tễ học liệt mềm cấp do vi rút đường ruột ở trẻ em miền Bắc, Việt Nam : Sách chuyên khảo. - H. : Y học, 2016. - 95tr. ; 27cm
11. Dịch tễ học một số bệnh thường gặp / Nguyễn Văn Hiếu. - H. : Y học, 1996. - 237 tr.; 24 cm
12. Dịch tễ học từng bệnh Dương Đình Thiện / Hoàng Tích Mịch. - H. : Y học, 1981. - 211 tr. ; 21 cm
13. Epidémiologie principes et méthodes quantitatives. - Paris : Inserm, 1993. - 498p.; 19 cm
14. Basic epidemiology / Beaglehole, R.. - Geneva : WHO, 1993. - 175p.; 19cm
15. Biostatics and epidemiology : Armen Khachatryan, M.D.. - McGraw - Hill : Health professions division, 1998. - 111 tr. ; 19 cm.

10. Phương pháp dạy học.

11.1. Phương pháp dạy/học:

Áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

- + Lý thuyết
- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.

+ Bài tập:

- Thiết kế một đề cương nghiên cứu khoa học

11.2. Vật liệu để dạy/học :

Gồm phần, bảng, máy tính, máy chiếu projector.

12. Phương pháp đánh giá.

Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

1. Thi lý thuyết truyền thống.
2. Thi đề cương nghiên cứu khoa học

Cách tính điểm môn học:

1) Kiểm tra1(ĐKT1):	Trọng số	0,2
2) Kiểm tra2(ĐKT2):	Trọng số	0,2
3) Thi hết môn:	Trọng số	0,6
4) Tổng số		1,0

Cách tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐKT1} * 0,2) + (\text{ĐKT2} * 0,2) + (\text{ĐT} * 0,6)$$

Đề cương môn học:

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Mã số: YHPP. 513

2. Số tín chỉ: 02

LT : 01

TH: 01

3. Số tiết học: 45

LT : 15

TH: 30

4. Số giờ tự học: 45

5. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Đơn vị phương pháp dạy học – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy

- PGS.TS. Nguyễn Thị Dung – Trưởng đơn vị Phương pháp dạy học - Trường ĐHYD Hải Phòng.

- PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi - Giảng viên đơn vị Phương pháp dạy học - Trường ĐHYD Hải Phòng.

- TS. Nguyễn Thị Thông – Giảng viên đơn vị Phương pháp dạy học - Trường ĐHYD Hải Phòng.

6. Mô tả môn học

- Các bác sĩ sau khi tốt nghiệp chương trình thạc sĩ Y học phải tham gia giảng dạy ở các Trường đại học, Cao đẳng y tế hoặc tại các Bệnh viện.

- Trong quá trình đào tạo đại học, sinh viên chưa được học phương pháp giảng dạy. Vì vậy, rất cần bổ sung những kiến thức này cho các học viên trong chương trình đào tạo thạc sĩ.

7. Mục tiêu học tập

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

1. Trình bày được các phương pháp dạy/ học truyền thống và tích cực.

2. Trình bày các phương pháp lượng giá/ đánh giá khách quan.

3. Chuẩn bị được một kế hoạch bài giảng và giảng một bài theo một trong những phương pháp dạy/ học tích cực.

8. Nội dung

Tín chỉ 1: Lý thuyết phương pháp dạy học

STT	Nội dung	Số tiết	
		LT	Tự học
1.	Chương 1: Giới thiệu môn học 1. Các khuynh hướng mới trong GDYH. 2. Đặc điểm của PPDHTC.	2	4
2.	Chương 2: Xác định được mục tiêu học tập 1. Xác định mục tiêu học tập 2. Cách viết mục tiêu học tập	2	4
3.	Chương 3: Một số phương pháp dạy học hiện nay 1. Dạy/học bằng phương pháp thảo luận nhóm 1.1. Khái niệm về phương pháp dạy/học bằng phương pháp thảo luận nhóm. 1.2. Cách chia nhóm. 1.3. Vai trò của người điều hành thảo luận nhóm. 1.4. Vai trò từng thành viên tham gia thảo luận nhóm. 3.1.5. Lượng giá bài học. 2. Dạy/học bằng bảng kiểm 2.1. Phương pháp xây dựng bảng kiểm dùng trong dạy học. 2.2. Áp dụng bảng kiểm trong bài giảng lý thuyết. 2.3. Áp dụng bảng kiểm trong thực hành lâm sàng. 2.4. Áp dụng bảng kiểm trong đánh giá thực hành tay nghề. 2.5. Phương pháp lượng giá học viên sau buổi học. 3. Dạy/học bằng phương pháp đóng vai 3.1. Cách phân vai trong dạy/học 3.2. Vai trò của thầy trong dạy học bằng phương pháp đóng vai. 3.3. Vai trò của học viên trong dạy học bằng phương pháp đóng vai. 3.4. Phương pháp lượng giá học viên sau buổi học 4. Dạy/học bằng phương pháp nghiên cứu từng case 4.1. Phương pháp phân tích trường hợp. 4.2. Phương pháp lượng giá học viên sau buổi học.	5	10

4.	Chương 4. Phương pháp lượng giá 1. Phương pháp thi viết cổ điển. 2. Phương pháp thi trắc nghiệm. 3. Phương pháp thi chạy trạm. 4. Lượng giá lý thuyết. 5. Lượng giá thực hành.	5	10
5.	Chương 5: Viết kế hoạch bài giảng 1. Chuẩn bị tài liệu viết kế hoạch bài giảng. 2. Các bước tiến hành viết kế hoạch bài giảng.	1	2
	Tổng	15	30

Tóm chỉ 2: Thực hành thiết kế một kế hoạch bài giảng.

STT	Nội dung	Số tiết	
		TH	Tự học
1.	Chương 1: Một số phương pháp dạy học hiện nay 1. Dạy/học bằng phương pháp thảo luận nhóm 1.1. Phương pháp thảo luận nhóm. 1.2. Cách chia nhóm. 1.3. Lượng giá bài học. 2. Dạy/học bằng bảng kiểm 2.1. Phương pháp xây dựng bảng kiểm dùng trong dạy học. 2.2. Áp dụng bảng kiểm trong bài giảng lý thuyết. 2.3. Áp dụng bảng kiểm trong thực hành lâm sàng. 2.4. Áp dụng bảng kiểm trong đánh giá thực hành tay nghề. 2.5. Phương pháp lượng giá học viên sau buổi học. 3. Dạy/học bằng phương pháp đóng vai 3.1. Vai trò của thầy trong dạy học bằng phương pháp đóng vai. 3.2. Vai trò của học viên trong dạy học bằng phương pháp đóng vai. 3.3. Phương pháp lượng giá học viên sau buổi học 4. Dạy/học bằng phương pháp nghiên cứu từng case Phương pháp lượng giá học viên sau buổi học.	16	8

4.	Chương 2. Phương pháp lượng giá 1. Thực hành về một bài thi viết cổ điển. 2. Thực hành về phương pháp thi trắc nghiệm. 3. Thực hành phương pháp thi chạy trạm. 4. Lượng giá lý thuyết. 5. Lượng giá thực hành.	7	3
5.	Chương 3: Viết kế hoạch bài giảng 1. Chuẩn bị tài liệu viết kế hoạch bài giảng. 2. Các bước tiến hành viết kế hoạch bài giảng.	7	4
	Tổng	30	15

9. Tài liệu học tập.

Giáo trình dạy/học tích cực và lượng giá sinh viên giáo trình Đơn vị biên soạn.

Tài liệu tham khảo.

1. Bộ môn Giáo dục Y học trường Đại học Y Hà Nội: “ Dạy – học tích cực trong đào tạo Y học” Nhà xuất bản Y học năm 2012
2. Nguyễn Văn Hiến, Lê Thu Hà: “ Phương pháp dạy-học tích cực” Nhà xuất bản Y học , Hà nội năm 2011
3. Phạm Văn Thúc , Nguyễn Ngọc Sáng : “ Phương pháp dạy – học lâm sàng “ Nhà Xuất bản Y học năm 2012
4. MAILLARD Dominique : “ Formation pédagogique - Programme de mission du diplôme universitaire pédagogique de la Faculté de Médecine Paris Diderot Paris 7 en 2007
5. MAILLARD Dominique: “ Méthode pédagogique - Programme de mission du diplôme universitaire pédagogique de la Faculté de Médecine Paris Diderot Paris 7 en 2013.

10. Phương pháp dạy học

10.1. Phương pháp dạy/học:

Áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

- + *Lý thuyết*
- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.
- + *Bài tập:*

- Thiết kế một kế hoạch bài giảng
- Xây dựng câu hỏi lượng giá sau bài học

10.2. Vật liệu để dạy/học:

Gồm phần, bảng, máy tính, máy chiếu projector, máy chiếu Overhead

11. Phương pháp đánh giá

11.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

1. Thi lý thuyết truyền thống.
2. Thi trắc nghiệm: Câu hỏi T/F, QROC, QCM
3. Trình bày một kế hoạch bài giảng

11.2. Cách tính điểm môn học:

1) Kiểm tra 1(ĐKT1):	Trọng số	0,2
2) Kiểm tra 2(ĐKT2):	Trọng số	0,2
3) Thi hết môn:	Trọng số	0,6
4) Tổng số		1,0

Điểm môn học là số bình quân của 3 điểm trên:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐKT1} * 0,2) + (\text{ĐKT2} * 0,2) + (\text{ĐT} * 0,6)$$

Đề cương môn học SINH LÝ HỌC NÂNG CAO

1. Mã số: YHSL. 521

2. Số tín chỉ: 2

LT:1

TH: 1

3. Số tiết học: 45

LT: 15

TH: 30

4. Số lần kiểm tra: 1

5. Số chứng chỉ: 1

6. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng: Bộ môn sinh lý - Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

- PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi- Trường ĐHYD Hải Phòng.
- GS.TS. Nguyễn Trường Sơn – Trường ĐHYD Hải Phòng.
- ThS.BS.NCS. Đào Thu Hồng – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

7. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Sinh lý học là môn học về:

- Các quy luật cơ bản về hoạt động chức năng và điều hòa hoạt động chức năng của tế bào, hoạt động chức năng chuyên biệt của một số cơ quan trong cơ thể: huyết áp động mạch, tuần hoàn phổi, tuần hoàn mạch vành, tuần hoàn não, thông khí phổi, điều hòa cân bằng acid-base, sinh lý đau, thần kinh thực vật, sinh lý phát triển cơ thể.
- Một số rối loạn hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể.

8. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Sau khi kết thúc khóa học, học viên phải đạt được chuẩn đầu ra sau:

** Về kiến thức:*

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống cơ quan và điều hòa chức năng các cơ quan.
- Ứng dụng được kiến thức sinh lý học để nhận biết, giải thích được các biểu hiện chức năng, sự điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và khi có sự tác động của một số yếu tố.

** Về thái độ:*

- Nhận thức được rõ vai trò của môn sinh lý học là nền tảng về hoạt động chức năng của cơ thể nhằm sử dụng vào việc học tập, nghiên cứu và phục vụ cho công tác khám chữa bệnh.

** Về kỹ năng:*

- Có kỹ năng phân tích, lập luận, diễn giải được các biểu hiện chức năng và điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và biểu hiện của các chức năng khi có sự tác động của một số yếu tố.

- Có kỹ năng phân tích, lập luận, diễn giải một số xét nghiệm thăm dò chức năng phục vụ chẩn đoán và theo dõi điều trị.

9. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung	Số tiết		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào	2	2	4
2	Điều hòa cân bằng acid-base	4	0	8
3	Sinh lý hồng cầu	1	3	2
4	Huyết áp động mạch	1	3	2
5	Tuần hoàn phổi	2	2	4
6	Thăm dò chức năng thông khí phổi	0	4	0
7	Tuần hoàn mạch vành	1	4	2
8	Tuần hoàn não	1	3	2
9	Sinh lý thần kinh thực vật	1	3	2

10	Sinh lý cảm giác đau	1	3	2
11	Quá trình phát triển cơ thể và các hormon điều hòa	1	3	2
	Tổng	15	30	30

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

- Lý thuyết: Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực: pháp vấn, thảo luận nhóm, dạy học theo mục tiêu. Một số nội dung được giao cho học viên chuẩn bị trước ở nhà.

- Thực hành: Ca lâm sàng, phân tích kết quả xét nghiệm, thăm dò chức năng.

- Vật liệu dạy học: Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu, máy móc thăm dò chức năng tim, phổi, máu.

11. TÀI LIỆU HỌC TẬP

1. Tài liệu giảng dạy

- Thực tập Sinh lý học, Bộ môn Sinh lý – Đại học Y Hải Phòng.
- Bộ Y tế (2011). Sinh lý học. Chủ biên Phạm Thị Minh Đức, NXB Y học.
- Bộ môn Sinh lý học Đại học Y Hà Nội (1996). Chuyên đề sinh lý học. Chủ biên Phạm Thị Minh Đức, NXB Y học.

2. Tài liệu tham khảo

- Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2002). Sinh lý học Tập I. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.
- Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2004). Sinh lý học Tập II. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.
- Guyton A.C., Hall J.E. (1996). Textbook of Medical Physiology, 9th ed., W.B. Saunders Company, Philadelphia.

3. Tài liệu hướng dẫn sinh viên tự học

- Bộ Y tế (2011). Sinh lý học. Chủ biên Phạm Thị Minh Đức, NXB Y học.
- Bộ môn Sinh lý học Đại học Y Hà Nội (1996). Chuyên đề sinh lý học. Chủ biên Phạm Thị Minh Đức, NXB Y học.

12. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

- Đánh giá ban đầu : pháp vấn, bài kiểm tra viết ngắn
 - Đánh giá thường xuyên: pháp vấn, bài kiểm tra viết ngắn
- Đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện để thi hết học phần.
- Đánh giá hết học phần: thi viết tự luận

Cách tính điểm môn học: là điểm thi tự luận

13. CƠ SỞ VẬT CHẤT CẦN ĐỂ GIẢNG DẠY

- Phòng học có đủ máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng học viên.
- Các máy móc, phương tiện phục vụ dạy học như máy điện tim, máy đo thông khí phổi, huyết áp kế, máy huyết học,...

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Giải phẫu

Mã số: YHGP. 571

Số tín chỉ: 2

LT : 01

TH: 1

Số tiết học: 45

LT : 15

TH: 30

1. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy.

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Giải phẫu - Đại học Y Dược Hải Phòng

Cán bộ giảng dạy:

1. GS-TS Nguyễn Hữu Chinh - Nguyên Trưởng Bộ môn Giải Phẫu Trường ĐHYD Hải Phòng.
2. ThS. Nguyễn Bảo Trân – Phụ trách Bộ môn Giải Phẫu Trường ĐHYD Hải Phòng.
3. ThS. Phạm Thành Nguyên – Phó trưởng Bộ môn Giải Phẫu Trường ĐHYD Hải Phòng.

A. MÔ TẢ MÔN HỌC

Giải phẫu là một môn học rất cần thiết đối với các thầy thuốc ngoại khoa, Các thầy thuốc ngoại khoa phải nắm chắc kiến thức giải phẫu mới có thể tiến hành được các phẫu thuật, thủ thuật.

Trong quá trình học đại học, sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về giải phẫu, trong quá trình học Cao học ngoại khoa, học viên cần được trang bị thêm những kiến thức chuyên sâu về giải phẫu để thực hiện được các thủ thuật và các phẫu thuật ngoại khoa.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

Lý thuyết:

1. Học viên mô tả được giải phẫu của một số vùng quan trọng trong phẫu thuật.
2. Học viên trình bày được mối liên quan và ứng dụng giải phẫu định khu trong thực hành phẫu thuật.

Tín chỉ 1: Giải phẫu vùng chi.

Stt	Nội dung	LT	TT	Tự học
	Chương 1: Khu nách	Số tiết 3(3,0)		
	1. Đặc điểm giải phẫu khu nách	1		2
	2. Ứng dụng trong lâm sàng		2	
	Chương 2: Khu cánh tay và khuỷu	Số tiết 2(2,0)		
	1. Đặc điểm giải phẫu khu cánh tay, khuỷu	1		2
	2. ứng dụng trong lâm sàng		1	1
	Chương 3: Khu cẳng tay	Số tiết 2(2,0)		
	1. Đặc điểm giải phẫu khu cẳng tay	1		2
	2. ứng dụng trong lâm sàng		1	1
	Chương 4: Khu bàn tay	Số tiết 2(2,0)		
	1. Đặc điểm giải phẫu khu bàn tay	1		2
	2. ứng dụng trong lâm sàng		1	1
	Chương 5: Khu đùi trước trong	Số tiết 2(2,0)		
	1. Đặc điểm giải phẫu khu đùi trước trong	1		2
	2. ứng dụng trong lâm sàng		1	1
	Chương 6: Khu hông	Số tiết 2(2,0)		
	1. Đặc điểm giải phẫu khu hông	1		2
	2. ứng dụng trong lâm sàng		1	1
	Chương 7: Vùng khoeo	Số tiết 2(2,0)		
	1. Đặc điểm giải phẫu vùng khoeo	1		2
	2. ứng dụng trong lâm sàng		1	1
	Chương 8: Khu cẳng chân trước và sau	Số tiết 2(2,0)		
	1. Đặc điểm giải phẫu khu cẳng chân trước và sau	1		2
	2. ứng dụng trong lâm sàng		1	1
	Tổng	8	9	17

Tín chỉ 2: Giải phẫu vùng đầu mặt cổ, ngực, bụng.

Stt	Nội dung	LT	TH	Tự học
	Chương 9: Dạ dày, nách, động mạch thân tạng	<i>Số tiết 4(4,0)</i>		
	1. Đặc điểm giải phẫu dạ dày, lách, động mạch thân tạng	1		2
	2. ứng dụng trong lâm sàng		3	3
	Chương 10: Khu tá tràng và tụy	<i>Số tiết 4(4,0)</i>		
	1. Đặc điểm giải phẫu khối tá tụy	1		2
	2. ứng dụng trong lâm sàng		3	3
	Chương 11: Gan, cuống gan, phần thùy gan	<i>Số tiết 6(6,0)</i>		
	1. Đặc điểm giải phẫu gan, cuống gan, phần thùy gan	1		2
	2. ứng dụng trong lâm sàng		5	5
	Chương 12: Động mạch cảnh gốc, cảnh ngoài, cảnh trong. Động mạch dưới đòn	<i>Số tiết 6(6,0)</i>		
	1. Nguyên ủy, đường đi, liên quan, phân nhánh	2		4
	2. ứng dụng trong lâm sàng		4	4
	Chương 13: Phân thùy thân và hệ mạch thận	<i>Số tiết 4(4,0)</i>		
	1. Đặc điểm giải phẫu phân thùy thận	1		2
	2. Đặc điểm giải phẫu hệ mạch thận		3	3
	Chương 14: Các mạch máu lớn trong ổ bụng	<i>Số tiết 4(4,0)</i>		
	1. Nguyên ủy, đường đi, liên quan, phân nhánh	1		2
	2. ứng dụng trong lâm sàng		3	3
	Tổng	7	21	28

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Thuyết trình
2. Mô hình trên xác

3. Seminar

4. Thảo luận nhóm

E. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY – THAM KHẢO

1. Nguyễn Hữu Chính (2006), Bài giảng Giải phẫu Sau đại học, ĐHYHP
2. Trịnh Văn Minh (1999), Giải phẫu người, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
3. Frank H. Netter (1999) – Nguyễn Quang Quyền dịch, ATLAS giải phẫu người, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

F. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Thi lý thuyết hình thức thi viết bằng câu hỏi tự luận (Trọng số 0,6)
2. Thi thực hành chạy trạm (Trọng số 0,4)

- Cách tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐTTH} * 0,4) + (\text{ĐTLT} * 0,6)$$

Đề cương môn học số
PHẪU THUẬT THỰC HÀNH

Mã số: YHPT.572

- 1.Số tín chỉ: 2 LT: 1 TH: 1
2.Số tiết học: 60 LT: 15 TH: 45
3. Số giờ tự học: 45
4.Số lần kiểm tra: 2 Thi hết môn: 1 Điểm môn học: 2
5.Bộ môn chịu trách nhiệm giảng:

Bộ môn Ngoại – Phẫu thuật thực hành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên môn học:

- PGS.TS Phạm Văn Duyệt – Trưởng Bộ môn Ngoại – phẫu thuật thực hành
- PGS.TS Nguyễn Công Bình – Phó trưởng bộ môn Ngoại – phẫu thuật thực hành

A. MÔ TẢ MÔN HỌC

- Phẫu thuật thực hành là môn học rất quan trọng đối với các thầy thuốc ngoại khoa, nó cung cấp cho các thầy thuốc ngoại khoa những kiến thức cơ bản nhất về phẫu thuật, thực hành trên súc vật trước khi áp dụng trên bệnh nhân.

- Trong quá trình học đại học, sinh viên đã được học một số kỹ thuật ngoại khoa cơ bản. Ở bậc học cao học, học viên cần được bổ xung thêm những kỹ thuật ngoại khoa mới để nâng cao trình độ phẫu thuật, những kỹ thuật này nhất thiết phải được thực hành thành thạo trên súc vật trước khi áp dụng trên người bệnh.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

I. Lý thuyết

1. Trình bày được các bước chuẩn bị cho việc thực hiện các kỹ thuật ngoại khoa.

2.Trình bày được các bước tiến hành các kỹ thuật ngoại khoa cơ bản

II. Thực hành

- Thực hiện thành thạo các thủ thuật chủ yếu của ngoại chung

C. NỘI DUNG

Tín chỉ Lý thuyết và thực hành

STT	Nội dung	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1.	Chương 1: Các dụng cụ phẫu thuật	1	4	6
2.	Chương 2: Các kỹ thuật cơ bản ngoại khoa 2.1. Trải xương 2.2. Rạch da 2.3. Khâu 2.4. Thắt chỉ	2	4	6
3.	Chương 3: Các đường mở bụng 3.1. Mở bụng theo đường trắng giữa 3.2. Mở bụng theo đường trắng bên 3.3. Mở bụng theo đường Macburney 3.4. Các đường mở bụng khác 3.5. Các kỹ thuật đóng bụng	2	8	6
4.	Chương 4: Các đường mở ngực và các kỹ thuật đóng ngực 4.1. Các đường mở ngực 4.2. Các kỹ thuật đóng ngực	2	4	6
5.	Chương 5: Kỹ thuật khâu nối ống tiêu hóa 5.1. Kỹ thuật khâu nối kiểu tận – tận 5.2. Kỹ thuật khâu nối kiểu tận – bên 5.3. Kỹ thuật khâu nối kiểu bên – bên 5.4. Ưu, nhược điểm và ứng dụng các kỹ thuật khâu nối ống tiêu hóa trong thực hành lâm sàng	2	8	6
6.	Chương 6: Kỹ thuật thắt, khâu nối mạch máu, đường mổ bộ lộ mạch máu 6.1. Kỹ thuật thắt mạch máu 6.2. Kỹ thuật khâu nối mạch máu 6.3. Kỹ thuật mổ bộc lộ mạch máu 6.4. ứng dụng các kỹ thuật thắt, khâu nối mạch	2	8	5

	máu, đường mổ bộ lộ mạch máu trong thực hành lâm sàng.			
7.	Chương 7: Kỹ thuật mở thông bàng quang, mở thông dạ dày, mở thông ruột non, hậu môn nhân tạo, mở thông màng phổi 7.1. Kỹ thuật mở thông bàng quang 7.2. Kỹ thuật mở thông dạ dày 7.3. Kỹ thuật mở thông ruột non. 7.4. Kỹ thuật làm hậu môn nhân tạo 7.5. Kỹ thuật mở màng phổi 7.6. Chỉ định và tai biến các các kỹ thuật mở thông bàng quang, mở thông dạ dày, mở thông ruột non, hậu môn nhân tạo, mở thông màng phổi	2	5	5
8.	Chương 8: Kỹ thuật khoan sọ, cầm máu não, cắt cụt, kết hợp xương 8.1. Kỹ thuật khoan sọ 8.2. Kỹ thuật cầm máu não 8.3. Kỹ thuật cắt cụt 8.4. Kỹ thuật kết hợp xương	2	4	5
	Tổng	15	45	45

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

1. Thuyết trình
2. Giảng dạy theo phương pháp tích cực: học viên đọc bài trước, giảng viên trình bày qua băng hình, sau đó thảo luận.
3. Dạy trên mô hình và súc vật.

E. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY – THAM KHẢO

1. Bài giảng phẫu thuật thực hành- Bộ môn Ngoại- PTTH- ĐHY Hải Phòng.
2. Phẫu thuật thực hành của Đặng Hanh Đức

F. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ:

1. Lý thuyết: Thi viết bằng câu hỏi
 2. Thực hành: Thi tay nghề (Một số thủ thuật trên súc vật).
- Số lần kiểm tra:
- | | | |
|--------------------------|----------|-----|
| 1 lần kiểm tra lý thuyết | Trọng số | 0,2 |
| 1 lần thi hết môn gồm: | | |

Thi thực hành
Thi lý thuyết

Trọng số 0,4
Trọng số 0,4
Tổng 1

- Cách tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐKTLT} * 0,2) + (\text{ĐTTH} * 0,4) + (\text{ĐTLT} * 0,4)$$

Đề cương môn học số:

HỖ TRỢ SẢN KHOA

1. Mã số: YHSP.580

2. Số tín chỉ: 2 LT: 1, TH: 1

3. Số tiết: 60 LT: 15 tiết TH: 45 tiết

4. Số giờ tự học: 45

5. Số chứng chỉ: 1

6. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Sản – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

1. PGS. TS. Nguyễn Văn Học – Trưởng bộ môn Sản, Đại học Y Dược Hải Phòng
2. TS. Ngô Thị Uyên – Phó trưởng bộ môn Sản, Đại học Y Dược Hải Phòng

A. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn Sản khoa có liên quan với các môn học của chuyên ngành Ngoại khoa trong chẩn đoán và điều trị bệnh. Môn học nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống, hiện đại và kỹ năng thực hành giúp cho việc chẩn đoán và điều trị các bệnh Sản phụ khoa thường gặp. Những nội dung chưa được học và những nội dung đã học ở bậc đại học, ở bậc học này học viên được bổ xung kiến thức, được cập nhật, mở rộng và nâng cao.

Nội dung môn học bao gồm 9 chương.

Chương 1: Nhiễm khuẩn và thai nghén trước, trong và sau đẻ

Chương 2: Các yếu tố tiên lượng cuộc đẻ

Chương 3: Chảy máu trong quá trình mang thai:

Chương 4: Khối u buồng trứng, tử cung

Chương 5: Chửa trứng

Chương 6: Ung thu nguyên bào nuôi

Chương 7: Rau tiền đạo

Chương 8: Rau bong non

Chương 9: Ngôi ngược

Chương 10: Nhiễm khuẩn hậu sản

Chương 11: Thai nghén nguy cơ cao

B. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Sau khi kết thúc khóa học, học viên phải đạt được chuẩn đầu ra sau:

Về kiến thức:

1. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của một số bệnh sản phụ khoa thường gặp.
2. Mô tả được các triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm các bệnh sản phụ khoa thường gặp
3. Trình bày được các phương pháp chẩn đoán các bệnh lý sản phụ khoa thường gặp
4. Trình bày được biện pháp xử trí cấp cứu các bệnh lý sản phụ khoa thường gặp.

Về thái độ:

- Nhận thức được tầm quan trọng của chẩn đoán và điều trị các bệnh sản khoa thường gặp

Về thực hành:

- Chẩn đoán và xử trí được các bệnh lý thường gặp hoặc liên quan đến ngoại khoa.
- Học viên có thể tiến hành xử lý các tình huống cấp cứu sản phụ khoa đảm bảo an toàn cho thai nhi và sản phụ.

C. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Stt	Nội dung	Số tiết		
		Lý thuyết	thực hành	Tự học
1.	Chương 1: Nhiễm khuẩn và thai nghén trước, trong và sau đẻ	2	6	4

	1. Đặc điểm dịch tễ học, nguyên nhân, yếu tố nguy cơ 1.2. Triệu chứng lâm sàng của nhiễm khuẩn và thai nghén trước, trong và sau đẻ. 1.3. Các xét nghiệm chẩn đoán nhiễm khuẩn thai nghén 1.4. Điều trị nhiễm khuẩn thai nghén 1.5. Phòng bệnh			
2.	Chương 2: Các yếu tố tiên lượng cuộc đẻ: 2.1. Các yếu tố tiên lượng cuộc đẻ 2.2. Chỉ định mổ lấy thai 2.3. Nhiễm độc thai nghén	2	6	4
3.	Chương 3: Chảy máu trong quá trình mang thai: 3.1. Nguyên nhân gây chảy máu trong quá trình mang thai 3.2. Triệu chứng lâm sàng của chảy máu trong 3 tháng đầu của thời kỳ mang thai 3.3. Triệu chứng lâm sàng của chảy máu trong 3 tháng cuối của thời kỳ mang thai và chuyển dạ 3.4. Điều trị chảy máu trong quá trình mang thai 3.5. Tiên lượng đối với chảy máu trong quá trình mang thai 3.6. Biện pháp phòng bệnh.	2	6	4
4	Chương 4: Khối u buồng trứng, tử cung: 4.1. Nguyên nhân gây bệnh 4.2. Triệu chứng lâm sàng của khối u buồng trứng 4.3. Triệu chứng lâm sàng của U xơ tử cung 4.4. Chẩn đoán khối u buồng trứng 4.5. Chẩn đoán khối u xơ tử cung 4.6. Điều trị khối u buồng trứng 4.7. Điều trị u xơ tử cung	2	6	4
5	Chương 5: Chửa trứng 5.1. Đặc điểm dịch tễ học, nguyên nhân của chửa trứng	1	3	3

	5.2. Triệu chứng lâm sàng của chữa trứng 5.3. Các xét nghiệm chẩn đoán chữa trứng 5.4. Chẩn đoán chữa trứng 5.5. Điều trị chữa trứng 5.6. Phòng bệnh chữa trứng			
6	Chương 6: Chữa trứng và ung thư nguyên bào nuôi 6.1. Đặc điểm dịch tễ học, nguyên nhân của ung thư nguyên bào nuôi. 6.2. Triệu chứng lâm sàng của ung thư nguyên bào nuôi. 6.3. Các xét nghiệm chẩn đoán ung thư nguyên bào nuôi. 6.4. Chẩn đoán ung thư nguyên bào nuôi. 6.5. Điều trị ung thư nguyên bào nuôi. 6.6. Phòng bệnh ung thư nguyên bào nuôi.	1	3	3
7.	Chương 7: Rau tiền đạo 7.1. Đặc điểm dịch tễ học, nguyên nhân của rau tiền đạo 7.2. Triệu chứng lâm sàng của rau tiền đạo 7.3 Các phương pháp chẩn đoán rau tiền đạo 7.4. Điều trị rau tiền đạo. 7.5. Phòng bệnh rau tiền đạo	1	3	3
8.	Chương 8: Rau bong non 8.1. Đặc điểm dịch tễ học, nguyên nhân của rau tiền đạo 8.2. Triệu chứng lâm sàng của rau bong non 8.3 Các phương pháp chẩn đoán rau bong non 8.4. Điều trị rau bong non 8.5. Phòng bệnh rau bong non	1	3	3
9.	Chương 9: Ngôi ngược 9.1. Triệu chứng lâm sàng ngôi ngược 9.2. Các phương pháp chẩn đoán ngôi ngược 9.3 Xử trí đối với một trường hợp ngôi ngược	1	3	4
10.	Chương 10:Nhiễm khuẩn hậu sản	1	3	4

	10.1. Nguyên nhân 10.2. Triệu chứng lâm sàng của nhiễm khuẩn hậu sản 10.3. Các phương pháp chẩn đoán nhiễm khuẩn hậu sản 10.4. Điều trị nhiễm khuẩn hậu sản 10.5. Phòng bệnh nhiễm khuẩn hậu sản			
11.	Chương 11. Thai nghén nguy cơ cao 11.1. Thai nghén nguy cơ cao 11.2. Chăm sóc sản phụ mang thai có nguy cơ cao 11.3. Biện pháp xử trí đối với những biến chứng trong quá trình mang thai 11.4. Phòng bệnh	1	3	4
	Tổng	15	45	45

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

1. Thuyết trình/ Nghe nhìn/ Thảo luận nhóm. Viết tóm tắt chuyên đề - tự dịch tài liệu chuyên đề.
2. Kèm cặp phẫu thuật/ thủ thuật.

E. TÀI LIỆU HỌC TẬP - THAM KHẢO:

- Bài giảng Sản Phụ khoa Bộ môn Phụ Sản / ĐHY Hà Nội
- Bài Giảng đại học - Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
- Novas Gynecologie 13th edition 2002, Lippincott William & Wilkin
- Williams Obstetrics, 23thedition 2010, McGraw-Hill Medical Publishing,
- Current Obstetric & Gynecologic Diagnosis & Treatment, 9th edition by Lange Medical books / Mc Graw – Hill, 2003 (Bản điện tử)

F. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ:

Sau môn học này học viên phải đạt được mục tiêu học tập.

- Hình thức kiểm tra và thi hết môn:
- + Test đánh giá lâm sàng và thủ thuật

Đề cương môn học:
GÂY Mê - HỒI SỨC

1. Mã số môn học: YHGM.581

2. Số tín chỉ: 2 LT: 1 TH: 1

3. Số tiết học: 60 LT: 15 TH: 45

4. Số giờ tự học: 45 giờ

5. Số lần kiểm tra: 2 Thi hết môn: 1 Điểm môn học: 1

6. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn ngoại- PTTH- Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Giảng viên môn học:

1. PGS.TS Trần Thanh Cảng – Trưởng khoa Hồi sức bệnh viện Việt Tiệp – Hải Phòng

2. PGS.TS. Cao Thị Bích Hạnh – Trưởng Khoa Gây mê Bệnh Viện việt tiệp Hải Phòng.

A. MÔ TẢ MÔN HỌC .

- Môn gây mê hồi sức là môn cần thiết để giảng dạy cho bác sĩ, là một trong những môn có liên quan mật thiết với các môn học chuyên ngành ngoại khoa trong việc điều trị

- Môn học này nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản có hệ thống và kỹ năng thực hành giúp cho việc điều trị các bệnh ngoại khoa đầy đủ và hoàn chỉnh nhất.

- Những nội dung chưa được học và những nội dung được học ở bậc đại học tại bậc đại học này học viên được bổ xung kiến thức, được cập nhập mở rộng và nâng cao

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC.

Sau khi kết thúc khóa học, học viên có khả năng.

1. Lý thuyết:

Trình bày được nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh để có thái độ xử trí đúng trong gây mê và hồi sức.

Mô tả được triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm thuộc gây mê hồi sức.

Trình bày phương pháp chuẩn đoán các bệnh thuộc gây mê hồi sức.

Phương pháp xử trí cấp cứu và điều trị thực thụ các bệnh thường gặp trong gây mê hồi sức.

2. Thực hành

2.1 Chuẩn đoán và xử trí được các bệnh thường gặp trong gây mê hồi sức

2.2 Kiến tập tốt một số thủ thuật, thực hành một số kỹ thuật: Đặt nội khí quản, sử dụng máy trong gây mê, đánh giá kết quả của máy khi gây mê...

C. NỘI DUNG

STT	Nội dung	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1.	<i>Chương 1: Sốc giảm khối lượng</i> 1. Sinh lý bệnh 2. Các nguyên nhân 3. Biểu hiện lâm sàng 4. Cách xử trí	1	4	4
2.	<i>Chương 2: Sốc nhiễm khuẩn</i> 1. Sinh lý bệnh 2. Biểu hiện lâm sàng 3. Điều trị	1	4	4
3.	<i>Chương 3: Suy thận cấp</i> 1. Sinh lý bệnh 2. Phân loại suy thận cấp chức năng và suy thận cấp thực thể 3. Các nguyên nhân 4. Cách xử trí	1	4	4
4.	<i>Chương 4: Suy hô hấp và ho hấp hỗ trợ</i> 1. Các nguyên nhân gây suy hô hấp 2. Biểu hiện lâm sàng 3. Cách xử trí 4. Thông khí nhân tạo	1	4	4
5.	<i>Chương 5: Gây mê trong mổ</i> 1. Gây mê tùy sống 2. Gây tê vùng 3. Các phương pháp gây tê khác	1	4	4
6.	<i>Chương 6: Hồi sức chấn thương sọ não</i> 1. Sinh lý bệnh 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tiên	2	5	4

	lượng của chấn thương sọ não 3. Xử trí			
7.	<i>Chương 7: Các phương pháp gây mê</i> 1. Các thuốc gây mê 2. Các phương pháp gây mê 3. Những tai biến trong gây mê	2	4	4
8.	<i>Chương 8: Rối loạn thăng bằng kiểm toan</i> 1. Sinh lý về thăng bằng kiểm toan 2. Nguyên nhân 3. Phân loại và cách xử trí	2	4	4
9	<i>Chương 9: Truyền máu và các chất thay thế</i> 1. Truyền máu và các nguyên tắc truyền máu 2. Các tai biến trong truyền máu 3. Các dung dịch thay thế	1	4	4
10	<i>Chương 10: Rối loạn nước và điện giải</i> 1. Sinh lý bệnh 2. Các nguyên nhân 3. Xử trí	1	4	4
11	<i>Chương 11: Sốc chấn thương</i> 1. Sinh lý bệnh 2. Biểu hiện lâm sàng 3. Cách xử trí	1	4	5
	Tổng	15	45	45

D. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

- Thuyết trình ngắn bằng các phương pháp nghe nhìn hiện đại
- Thảo luận nhóm
- Bài tập tình huống
- Hệ câu hỏi lựa chọn

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bài giảng gây mê hồi sức (2002) tập 1, NXB Y học Hà Nội
2. Bài giảng gây mê hồi sức (2002) tập 2, NXB Y học Hà Nội
3. Bài giảng sinh lý học (1990), NXB Y học Hà Nội
4. Hồi sức cấp cứu (1994) tập 1, NXB Y học Hà Nội

5. Hồi sức cấp cứu (1997) tập 2, NXB Y học Hà Nội

F. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Sau môn học học viên phải đạt được mục tiêu học tập

1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- + Test đánh giá lý thuyết
- + Test đánh giá lâm sàng và thực hành
- + Thi bệnh án
- + Hệ câu hỏi Q.C.M

2. Số lần kiểm tra

Một lần kiểm tra lý thuyết Trọng số 0,2

Một lần thi hết môn gồm:

Thi thực hành Trọng số 0,4

Thi lý thuyết Trọng số 0,4

Cách tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐKTLT} \times 0,2) + (\text{ĐTTH} \times 0,4) + (\text{ĐTLT} \times 0,4)$$

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC:
PHẪU THUẬT TIÊU HÓA – GAN MẬT**

1. Mã số: YHTM.582

2. Số tín chỉ: 2 LT: 1 TH: 1

3. Số tiết học: 60 LT: 15 TH: 45

4. Số giờ tự học: 45

5. Số lần kiểm tra: 02

6. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Ngoại & PTTH- ĐHY

Dược Hải Phòng.

Giảng viên môn học:

- GS TS. Hà Văn Quyết – Bộ môn Ngoại - Đại học Y Hà Nội

- PGS TS. Vũ Huy Nùng – Học viên quân Y

- PGS.TS. Phạm Văn Duyệt – Trưởng Bộ môn Ngoại & PTTH– Trường

ĐHY Dược Hải Phòng.

A. MÔ TẢ MÔN HỌC:

- Tiêu hóa, gan mật là một lĩnh vực rất quan trọng trong bệnh học ngoại khoa, hiện nay ở nước ta các bệnh ngoại khoa về tiêu hóa và gan mật còn khá phổ biến, đòi hỏi phải được xử trí kịp thời để cứu sống người bệnh.

- Trong quá trình học đại học, sinh viên đã được học một số bệnh lý ngoại khoa cơ bản về tiêu hóa, gan mật. Trong quá trình học cao học, học viên sẽ được học những kiến thức chưa được học trong quá trình học đại học, bổ xung những kiến thức nâng cao về lĩnh vực ngoại tiêu hóa – gan mật.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

1. Trình bày được kiến thức cơ bản, cần thiết để ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý hệ tiêu hoá gan mật.

2. Làm được các kỹ năng cơ bản trong điều trị bằng phẫu thuật bệnh lý tiêu hoá gan mật.

C. NỘI DUNG

Stt	Nội dung	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1.	Chương 1. Bệnh lý thực quản 1.1. Ung thư thực quản 1.2. Co thắt tâm vị 1.3. Chấn thương và vết thương thực quản	2	7	6
2.	Chương 2: Bệnh lý dạ dày – tá tràng 2.1. Các phương pháp điều trị ngoại khoa loét dạ dày - tá tràng 2.2 Ung thư dạ dày 2.3. Các biến chứng sau cắt dạ dày 2.4. Loét miệng nổi 2.5. Chấn thương và vết thương tá tràng 2.6. Rò đường tiêu hoá sau mổ	2	5	6
3.	Chương 3 : Bệnh lý ruột 3.1.U ruột non 3.2. Ung thư đại tràng 3.3. Hoại tử ruột 3.4. Lòng ruột 3.5. Tắc ruột	2	5	6
4.	Chương 4. Bệnh lý gan mật 4.1. K gan nguyên phát 4.2. Ung thư đường mật 4.3. Sỏi mật 4.4. Chấn thương và vết thương gan 4.5. Apxe gan 4.6. Viêm túi mật	2	5	6

5.	Chương 5 : Bệnh lý lách 5.1. Chấn thương lách 5.2. Các bệnh lý ngoại khoa thường gặp của lách	1	5	6
6.	Chương 6. Bệnh lý tụy 6.1. K tụy ngoại tiết 6.2. Sỏi tụy 6.3. Chấn thương và vết thương tụy 6.4. Nang tụy	2	6	5
7.	Chương 7. Bệnh lý thành bụng 7.1. Thoát vị ben, đùi 7.2. Các di chứng thành bụng sau mổ: Sa lòi, thoát vị	2	6	5
8.	Chương 8. Bệnh lý hậu môn trực tràng 8.1. Bệnh Polyp đại trực tràng 8.2. Sa trực tràng 8.3. HMNT và các biến chứng của HMNT 8.4. Trĩ, Rò và Nứt kẽ hậu môn 8.5. Ung thư Hậu môn, trực tràng	2	6	5
	Tổng	15	45	45

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

1. Thuyết trình, hướng dẫn học viên tự học.
2. Thảo luận nhóm, case study, bảng kiểm.
3. Thực hành một số thủ thuật.

E. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY – THAM KHẢO

1. Tài liệu Bộ môn biên soạn
2. Trường Đại học Y Hà Nội (2006), Bệnh học ngoại Sau đại học, tập 13.
Trường Đại học Y Hà Nội (2006), Bệnh học Ngoại Sau đại học, tập 2.

4. Bệnh học Ngoại khoa Sau đại học , Tuy- Lách, NXB KH&KT, Hà Nội - 2001
5. Bách khoa thư bệnh học (2000). Nhà xuất bản Y học, tập 1.
6. Bách khoa thư bệnh học (2000). Nhà xuất bản Y học, tập 2.
7. Bộ môn Ngoại Trường Đại học Y Hà Nội . Bệnh học Ngoại khoa. NXB Y học- 2006. Tập 1, 2

F. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Thi tín chỉ 1: thi lý thuyết	Trọng số: 0.5
------------------------------	---------------

Thi tín chỉ 2: thi thực hành	Trọng số: 0.5
------------------------------	---------------

Tổng:	1
-------	---

- Cách tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐTTH} \cdot 0,5) + (\text{ĐTLT} \cdot 0,5)$$

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH

1. Mã số: YHCC.583

2. Số tín chỉ: 2 LT: 1 TH: 1

3. Số tiết học: 60 LT: 15 TH: 45

4. Số tiết ự học: 45

5. Số lần kiểm tra: 02

6. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Ngoại- PTTH- Trường Đại học Y
Dược Hải Phòng

Giảng viên môn học:

PGS.TS Phạm Văn Duyệt – Trưởng Bộ môn Ngoại & Phẫu thuật thực hành

TS. Đinh Thế Hùng – Trưởng khoa CTCH – Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng

A. MÔ TẢ MÔN HỌC

Chấn thương – chỉnh hình là một lĩnh vực rất quan trọng trong bệnh học ngoại khoa, ngày nay khi đất nước càng phát triển thì các chấn thương – tai nạn ngày càng gia tăng đòi hỏi phải phát triển các kỹ thuật điều trị về chấn thương, chỉnh hình để cứu chữa người bệnh. Lĩnh vực chỉnh hình cũng đang ngày một phát triển để đáp ứng nhu cầu điều trị của người bệnh

Trong quá trình học đại học, sinh viên đã được trang bị một số kiến thức cơ bản về sơ cấp cứu chấn thương. Trong quá trình đào tạo thạc sĩ, học viên sẽ được trang bị thêm những kiến thức về chấn thương, chỉnh hình chưa được học và những kiến thức nâng cao về lĩnh vực này.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

I. Lý thuyết

- Học viên trình bày được kiến thức cơ bản, cần thiết để ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị các cấp cứu, bệnh lý về hệ xương cơ khớp.

II Thực hành:

- Học viên làm được một số kỹ năng cơ bản trong điều trị phẫu thuật, chỉnh hình hệ xương cơ khớp.

C. NỘI DUNG

STT	NỘI DUNG	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1.	Chương 1. Điều trị gãy xương Điều trị gãy xương kín theo phương pháp bảo tồn Điều trị gãy xương kín theo phương pháp phẫu thuật Điều trị vết thương khớp Điều trị gãy xương hở	5	15	15
2.	Chương 2: Điều trị gãy xương trật khớp chi trên 2.1. Điều trị gãy thân xương cánh tay 2.2. Điều trị gãy trên lồi cầu cánh tay trẻ em 2.3. Điều trị gãy 2 xương cẳng tay 2.4. Điều trị trật khớp vai khớp khuỷu 2.5 Điều trị vết thương bàn tay	5	15	15
3.	Chương 3: Điều trị gãy xương trật khớp chi dưới 3.1. Điều trị gãy cổ xương đùi 3.2. Điều trị trật khớp háng 3.2. Điều trị gãy thân xương đùi 3.4. Điều trị gãy mâm chày 3.5. Điều trị gãy xương cẳng chân 3.6. Điều trị vỡ xương chày	5	15	15
	Tổng	15	45	45

D. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY:

1. Thuyết trình, hướng dẫn học viên tự học
2. Thảo luận nhóm. Case study, bảng kiểm
3. Thực hành một số thủ thuật trong điều trị.

E. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY:

1. Tài liệu Bộ môn biên soạn

F. THAM KHẢO:

1. Nguyễn Đức Phúc (2004). Chấn thương chỉnh hình. Nhà xuất bản Y học.
2. Bách khoa thư bệnh học (2000). Nhà xuất bản Y học, tập 1.
3. Bách khoa thư bệnh học (2000). Nhà xuất bản Y học, tập 2.
4. Howard San J. Michael Simpon. Surgery of the Cervical spine.
 - i. H. Crenshaw. Campbell's operative orthopaedics.
5. Rajacic N. Distally based superficial sural flap for reconstruction of the lower leg and foot 1996

G. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Sau môn học này học viên phải đạt được mục tiêu học tập.

- Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- + Test đánh giá lâm sàng và thủ thuật
- + Test đánh giá lý thuyết
- + Hệ câu hỏi Q.C.M

- Số lần kiểm tra:

1 lần kiểm tra lý thuyết	Trọng số	0,2
1 lần thi hết môn gồm:		
Thi thực hành	Trọng số	0,4
Thi lý thuyết	Trọng số	0,4
	Tổng	1

- Cách tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐKTLT} \times 0,2) + (\text{ĐTTH} \times 0,4) + (\text{ĐTLT} \times 0,4)$$

Đề cương môn học:
PHẪU THUẬT TIẾT NIỆU

1. Mã số: YHTN.584

2. Số tín chỉ: 2 LT: 1 TH: 1

3. Số tiết học: 60 LT: 15 TH: 45

4. Số tiết tự học: 45

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn ngoại- PTTH- Trường Đại học Y Hải Phòng

Giảng viên môn học:

1. PGS.TS Phạm Văn Duyệt – Trưởng bộ môn Ngoại – Phẫu thuật thực hành

2. PGS.TS Nguyễn Công Bình – Phó trưởng bộ môn Ngoại – Phẫu thuật thực hành

3. PGS.TS Bùi Văn Chiến - Phó trưởng bộ môn Ngoại – Phẫu thuật thực hành

4. BSCKII Lê Thế Cường - Bộ môn Ngoại – Phẫu thuật thực hành

A. MÔ TẢ MÔN HỌC:

- Môn tiết niệu là môn có liên quan mật thiết với các môn chuyên ngành ngoại trong chẩn đoán và điều trị.

- Môn học này nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản có hệ thống và kỹ năng thực hành giúp cho việc chẩn đoán và điều trị các bệnh ngoại khoa thuộc lĩnh vực tiết niệu đầy đủ và hoàn chỉnh

- Những nội dung chưa được học và những nội dung đã học ở bậc đại học tại bậc học này học viên được bổ sung kiến thức, được cập nhật, mở rộng và nâng cao .

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

Sau khi kết thúc khóa học học viên có khả năng.

1. Lý thuyết

- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh các bệnh thuộc lĩnh vực tiết niệu.

- Mô tả được triệu chứng lâm sàng, các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh các bệnh thuộc lĩnh vực tiết niệu.
- Phương pháp xử trí cấp cứu và điều trị thực thụ các bệnh thuộc lĩnh vực tiết niệu.

2 Thực hành:

2.1. Chẩn đoán và xử trí được các bệnh thuộc tiết niệu

2.2. Kiến tập tốt và tham gia mổ, làm một số kỹ thuật khó như: Mở thông bàng quang, nong niệu đạo, mổ lấy sỏi niệu quản.....

C. NỘI DUNG

STT	Tên bài giảng – chuyên đề	Số tiết học		
		LT	TH	Tự học
1	Chương 1: Nhiễm trùng tiết niệu 1.1. Viêm đài bể thận, viêm bàng quang, viêm niệu đạo 1.2. Nhiễm khuẩn máu và sốc do nhiễm khuẩn tiết niệu 1.3. Điều trị kháng sinh trong nhiễm khuẩn tiết niệu	1	4	4
2	Chương 2: Sỏi hệ tiết niệu 2.1 Chẩn đoán sỏi tiết niệu 2.2 Điều trị sỏi tiết niệu	1	4	3
3	Chương 3: Sỏi niệu quản biến chứng và điều trị 3.1. Chẩn đoán các biến chứng của sỏi niệu quản 3.2. Điều trị các biến chứng do sỏi niệu quản	2	4	6
4	Chương 4: Chấn thương thận và vết thương thận	2	4	6

	4.1 Tồn thương giải phẫu bệnh lý chấn thương thận, vết thương thận 4.2 Chẩn đoán mức độ chấn thương thận, vết thương thận 4.3 Điều trị chấn thương thận, vết thương thận			
5	Chương 5: Biến chứng tiết niệu do vỡ xương chậu 5.1 Phân loại gãy xương chậu 5.2 Chẩn đoán các biến chứng tiết niệu do vỡ xương chậu 5.3 Điều trị các biến chứng tiết niệu do vỡ xương chậu	1	4	3
6	Chương 6: Chấn thương niệu đạo trước 6.1 Cơ chế, nguyên nhân chấn thương niệu đạo trước 6.2 Tồn thương giải phẫu bệnh lý chấn thương niệu đạo trước 6.3 Chẩn đoán 6.4 Điều trị chấn thương niệu đạo trước	1	4	3
7	Chương 7: Hẹp niệu đạo do chấn thương 7.1 Nguyên nhân hẹp niệu đạo 7.2 Chẩn đoán hẹp niệu đạo 7.3 Điều trị hẹp niệu đạo	1	3	3
8	Chương 8: Ung thư thận 8.1 Yếu tố thuận lợi ung thư thận 8.2 Giải phẫu bệnh lý 8.3 Chẩn đoán ung thư thận 8.4 Điều trị ung thư thận	1	3	3

9	Chương 9: Ung thư bàng quang 9.1 Nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi ung thư bàng quang 9.2 Tổn thương giải phẫu bệnh lý 9.3 Chẩn đoán và điều trị ung thư bàng quang	1	3	3
10	Chương 10: U phì đại lành tính tuyến tiền liệt 10.1 Vì sao có phì đại lành tính tuyến tiền liệt 10.2 Chẩn đoán u phì đại lành tính 10.3 Điều trị u phì đại lành tính tuyến tiền liệt	1	3	3
11	Chương 11: Ung thư tuyến tiền liệt 11.1 Cơ chế gây ung thư tuyến tiền liệt 11.2 Tổn thương giải phẫu bệnh lý ung thư tuyến tiền liệt 11.3 Chẩn đoán ung thư tuyến tiền liệt và điều trị	1	3	3
12	Chương 12: Ung thư tinh hoàn 12.1 Bệnh sinh của ung thư tinh hoàn 12.2 Tổn thương và giải phẫu bệnh lý 12.3 Chẩn đoán và điều trị ung thư tinh hoàn	1	3	3
13	Chương 13: Lao tiết niệu, sinh dục 13.1 Đặc điểm vi khuẩn học trong lao tiết niệu - sinh dục 13.2 Chẩn đoán và điều trị lao tiết niệu – sinh dục	1	3	3
Tổng		15	45	45

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC:

1. Phương pháp dạy

a. Thuyết trình, hướng dẫn học viên tự học.

- b. Thảo luận nhóm, case study, bảng kiểm, bed-side teaching.
- c. Thực hành một số thủ thuật, cầm tay chỉ việc

2. Phương pháp học

- a. Học viên tham gia trao đổi, thăm khám bệnh, thảo luận và trình ca lâm sàng, trực tiếp tham gia điều trị, tham gia phụ mổ...
- b. Học viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên, thuyết trình, thảo luận, tự học trên bệnh nhân, tự học kỹ năng,...

E. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY – THAM KHẢO

- a. Tài liệu do Bộ môn biên soạn
- b. Bài giảng bệnh học ngoại khoa sau đại học : T1 / Học viện quân y. - H. : Y học, 1992. - 543 tr.; 24 cm
- c. Bài giảng bệnh học ngoại khoa sau đại học : T2 / Học viện quân y. - H. : Y học, 1993. - 559 tr.; 24 cm
- d. Các phương pháp chẩn đoán và điều trị bệnh sỏi tiết niệu. - H. : Y học, 2013. - 407tr. ; 29cm
- e. Những kỹ thuật ngoại khoa trong tiết niệu / Trần Đức Hòa. - H. : Khoa học và kỹ thuật, 2003. - 1217tr. ; 21cm.
- f. La biopsie rénale/Dominique Droz, Brigitte Lantz.. - Pais : INSERM, 1996.. - 605 p. ; 19 cm.
- g. Principles and practice of emergency medicine:Vol2 / Schwartz,GeorgeR. - 3ed. - London : Lea:Febige, 1992. - 107p. ; 27 cm
- h. Atlas of surgical operations / Zobert M. Zollinger, Jr.. - NewYork : McGraw-Hill, 1993. - 848p. ; 40cm.

F. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

- + Thi viết bằng câu hỏi cải tiến
- + Test đánh giá lâm sàng và thủ thuật
- + Test đánh giá lý thuyết

Hệ câu hỏi Q.C.M

- Số lần kiểm tra:2

1 lần kiểm tra lý thuyết	Trọng số	0,2
--------------------------	----------	-----

1 lần thi hết môn gồm:

Thi thực hành	Trọng số	0,4
---------------	----------	-----

Thi lý thuyết	Trọng số	0,4
---------------	----------	-----

Tổng	1
------	---

- Cách tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐKTLT} \cdot 0,2) + (\text{ĐTTH} \cdot 0,4) + (\text{ĐTLT} \cdot 0,4)$$

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
PHẪU THUẬT THẦN KINH – SỌ NÃO

1. Mã số: YHTS.585

2. Số tín chỉ: 2 LT: 1 TH: 1

3. Số tiết học: 60 LT: 15 TH: 45

4. Số giờ tự học: 45

5. Số lần kiểm tra: 02

6. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Ngoại & PTTH Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Giảng viên môn học:

1. PGS.TS Phạm Văn Duyệt – Trưởng bộ môn Ngoại & Phẫu thuật thực hành

2. PGS.TS Nguyễn Công Bình – Phó trưởng bộ môn Ngoại & Phẫu thuật thực hành

A. MÔ TẢ MÔN HỌC

Bệnh thần kinh, sọ não hiện nay còn khá phổ biến ở Việt Nam. Trong những năm gần đây khi khoa học phát triển, các phương tiện chẩn đoán, điều trị ngày càng nhiều đã giúp cho các thầy thuốc ngoại khoa chẩn đoán và điều trị được nhiều bệnh lý thần kinh mà trước đây không điều trị được.

Trong quá trình học đại học, sinh viên mới chỉ được học rất ít những kiến thức về bệnh lý thần kinh, sọ não. Trong thời gian học cao học, học viên sẽ được học những kiến thức chưa được học, nâng cao, bổ xung cập nhật những kiến thức đã được học ở bậc đại học.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

I. Lý thuyết:

1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ học, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh lý thần kinh thường gặp.

2. Trình bày được các biện pháp điều trị những bệnh thần kinh thường gặp

II. Thực hành:

1. Chẩn đoán được các bệnh lý thần kinh thường gặp.
2. Thực hiện được một số thủ thuật, phẫu thuật về thần kinh, sọ não.

C. Nội dung

Stt	Nội dung	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1.	Chương 1: U não 1.1. Đại cương về hội chứng tăng áp lực sọ 1.2. Phân loại u não 1.3. Chẩn đoán u não 1.4. Điều trị u não 1.4.1. Điều trị phẫu thuật 1.4.2. Phác đồ điều trị u não và các phương pháp phối hợp	5	15	15
2.	Chương 2: Dị dạng mạch máu não 2.1. Đại cương về dị dạng mạch máu não 2.2. U mạch não 2.3. Phình mạch não 2.4. Chẩn đoán và điều trị dị dạng mạch não vỡ	5	15	15
3.	Chương 3: Chèn ép tủy 3.1. U tủy 3.2. Thoát vị đĩa đệm 3.3. Hẹp ống sống và các bệnh lý thoái hoá 3.4. Chấn thương cột sống cổ	5	15	15
	Tổng	15	45	45

D. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY:

1. Thuyết trình, hướng dẫn học viên tự học
2. Thảo luận nhóm, case Study, bảng kiểm
3. Thực hành một số thủ thuật thông thường

E. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

1. Tài liệu Bộ môn biên soạn

F. THAM KHẢO

1. Bách khoa thư bệnh học (2000). Nhà xuất bản Y học, tập 1.
2. Bách khoa thư bệnh học (2000). Nhà xuất bản Y học, tập 2.
3. Bệnh học Ngoại khoa Sau đại học, Tập 1, HVQY. (1992)
4. Bệnh học Ngoại khoa Sau đại học, Tập 2, HVQY (1993)
6. Bài giảng Gây mê Hồi sức – tập 2. Nhà xuất bản Y học 2002
7. Howard San J. Michael Simpon: Surgery of the Cervical spine-1993

G. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Sau môn học này học viên phải đạt được mục tiêu học tập.

- Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- + Thi viết bằng câu hỏi cải tiến
- + Test đánh giá lâm sàng và thủ thuật
- + Test đánh giá lý thuyết
- + Hệ câu hỏi Q.C.M

- Số lần kiểm tra:

1 lần kiểm tra lý thuyết	Trọng số	0,2
--------------------------	----------	-----

1 lần thi hết môn gồm:

Thi thực hành	Trọng số	0,4
---------------	----------	-----

Thi lý thuyết	Trọng số	0,4
---------------	----------	-----

Tổng	1
------	---

- Cách tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐKTLT} \times 0,2) + (\text{ĐTTH} \times 0,4) + (\text{ĐTLT} \times 0,4)$$

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC NGOẠI NHI

1. Mã số: YHNN.586

2. Số tín chỉ: 2 LT: 1 TH: 1

3. Số tiết học: 60 LT: 15 TH: 45

4. Số giờ tự học: 45

5. Số lần kiểm tra: 02 Số chứng chỉ: 1

6. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Ngoại & PTTH - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên môn học:

- PGS.TS Phạm Văn Duyệt – Trưởng Bộ môn Ngoại & Phẫu thuật thực hành
- PGS.TS. Nguyễn Công Bình – Phó trưởng Bộ môn Ngoại & Phẫu thuật thực hành

A. MÔ TẢ MÔN HỌC

Bệnh lý ngoại khoa ở trẻ em có những đặc điểm khác với bệnh lý ngoại khoa ở người lớn. Bệnh ngoại khoa ở trẻ em có thể là những dị tật bẩm sinh hoặc các bệnh mắc phải, việc chẩn đoán và điều trị các bệnh ngoại khoa của trẻ em cũng có những điểm riêng biệt. Các bệnh lý ngoại khoa ở trẻ em thường mang tính chất cấp tính, đòi hỏi phải được can thiệp kịp thời.

Trong quá trình học đại học, sinh viên mới chỉ được học một số bệnh lý ngoại khoa thường ở trẻ em nhưng lồng ruột, tắc ruột, viêm ruột thừa cấp... Trong quá trình học cao học, học viên sẽ được bổ xung thêm những kiến thức ngoại nhi chưa được học, được nâng cao về mặt lý thuyết và đặc biệt là thực hành lâm sàng những kiến thức ngoại khoa đã được học.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

I. Lý thuyết:

1. Học viên trình bày được nguyên nhân, đặc điểm lâm sàng, xét nghiệm, chỉ định phẫu thuật, biến chứng của những bệnh ngoại khoa thường gặp.

2. Học viên ứng dụng được các kiến thức đã học vào chẩn đoán và điều trị các bệnh lý ngoại khoa thường gặp ở trẻ em.

II. Thực hành:

1. Học viên chẩn đoán được những bệnh lý ngoại khoa ở trẻ em

2. Học viên thực hiện được những thủ thuật, phẫu thuật thông thường ở trẻ em.

C. NỘI DUNG

Stt	Nội dung	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1.	Chương 1: Hẹp phì đại môn vị Nguyên nhân 1.1. Giải phẫu bệnh 1.2. Triệu chứng lâm sàng 1.3. Các phương pháp chẩn đoán hẹp phì đại môn vị. 1.4. Điều trị	1	3	3
2.	Chương 2: Các bệnh lý của ống rốn tràng 2.1. Giải phẫu bệnh 2.2. Triệu chứng lâm sàng 2.3. Các phương pháp chẩn đoán hẹp phì đại môn vị. 2.4. Điều trị	1	3	3
3.	Chương 3: Viêm ruột non hoại tử 3.1. Nguyên nhân 3.2. Giải phẫu bệnh 3.3. Triệu chứng lâm sàng 3.4. Các phương pháp chẩn đoán hẹp phì đại môn vị. 3.5. Điều trị	1	3	3
4	Chương 4: Đại cương về dị tật bẩm sinh đường mật 4.1. Nguyên nhân	1	3	3

	4.2. Giải phẫu bệnh 4.3. Triệu chứng lâm sàng 4.4. Các phương pháp chẩn đoán hẹp phì đại môn vị. 4.5. Điều trị			
5	Chương 5: Các bệnh lý do còn tồn tại ống phúc tinh mạc 5.1. Nguyên nhân 5.2. Giải phẫu bệnh 5.3. Triệu chứng lâm sàng 5.4. Các phương pháp chẩn đoán hẹp phì đại môn vị. 5.5. Điều trị	1	3	3
6	Chương 6: Teo thực quản 6.1. Nguyên nhân 6.2. Giải phẫu bệnh 6.3. Triệu chứng lâm sàng 6.4. Các phương pháp chẩn đoán hẹp phì đại môn vị. 6.5. Điều trị	1	3	3
7	Chương 7: Thoát vị cơ hoành 7.1. Nguyên nhân 7.2. Giải phẫu bệnh 7.3. Triệu chứng lâm sàng 7.4. Các phương pháp chẩn đoán hẹp phì đại môn vị. 7.5. Điều trị	1	3	3
8	Chương 8: Viêm xương đường máu ở trẻ em 8.1. Nguyên nhân 8.2. Giải phẫu bệnh 8.3. Triệu chứng lâm sàng 8.4. Các phương pháp chẩn đoán hẹp phì đại môn vị. 8.5. Điều trị	1	3	3
9	Chương 9: Cứng khớp do xơ hoá cơ quan tiêu hóa 9.1. Nguyên nhân 9.2. Giải phẫu bệnh 9.3. Triệu chứng lâm sàng 9.4. Các phương pháp chẩn đoán hẹp phì đại môn vị. 9.5. Điều trị	1	3	3
10	Chương 10: Dị tật bẩm sinh đường tiết niệu 10.1. Nguyên nhân	1	3	3

	10.2. Giải phẫu bệnh 10.3. Triệu chứng lâm sàng 10.4. Các phương pháp chẩn đoán hẹp phì đại môn vị. 10.5. Điều trị			
11	Chương 11: Các bệnh lý ngoại khoa do giun đũa 11.1. Nguyên nhân 11.2. Giải phẫu bệnh 11.3. Triệu chứng lâm sàng 11.4. Các phương pháp chẩn đoán hẹp phì đại môn vị. 11.5. Điều trị	1	3	3
12	Chương 12: Tắc ruột sơ sinh 12.1. Nguyên nhân 12.2. Giải phẫu bệnh 12.3. Triệu chứng lâm sàng 12.4. Các phương pháp chẩn đoán hẹp phì đại môn vị. 12.5. Điều trị	1	3	3
13	Chương 13: Lồng ruột nữ nhi 13.1. Nguyên nhân 13.2. Giải phẫu bệnh 13.3. Triệu chứng lâm sàng 13.4. Các phương pháp chẩn đoán hẹp phì đại môn vị. 13.5. Điều trị	1	3	3
14	Chương 14: MEGACOLON 14.1. Nguyên nhân 14.2. Giải phẫu bệnh 14.3. Triệu chứng lâm sàng 14.4. Các phương pháp chẩn đoán hẹp phì đại môn vị. 14.5. Điều trị	1	3	3
15	Chương 15: Dị tật Hậu môn trực tràng 15.1. Nguyên nhân 15.2. Giải phẫu bệnh 15.3. Triệu chứng lâm sàng 15.4. Các phương pháp chẩn đoán hẹp phì đại môn vị. 15.5. Điều trị	1	3	3
	Tổng	15	45	45

D. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

1. Thuyết trình, hướng dẫn học viên tự học.
2. Thảo luận nhóm, case study, bảng kiểm.
3. Thực hành một số thủ thuật trong điều trị.

E. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

1. Tài liệu Bộ môn biên soạn

F. THAM KHẢO

1. Bộ môn Nhi đại học Y Hải Phòng (2005), Bài giảng Nhi khoa sau đại học tập 1
2. Bộ môn Nhi đại học Y Hải Phòng (2005), Bài giảng Nhi khoa sau đại học tập 2
3. Bộ môn Nhi đại học Y Hà Nội (2000), Bài giảng Nhi khoa Tập 1, NXB Y học.
4. Bộ môn Nhi đại học Y Hà Nội (2000), Bài giảng Nhi khoa Tập 2, NXB Y học.
5. Nguyễn Công Khanh (2001), Tiếp cận chẩn đoán Nhi khoa, Nhà xuất bản Y học.

G. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Sau môn học này học viên phải đạt được mục tiêu học tập.

- Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- + Thi viết bằng câu hỏi cải tiến
- + Test đánh giá lâm sàng và thủ thuật
- + Test đánh giá lý thuyết
- + Hệ câu hỏi Q.C.M

- Số lần kiểm tra: 2

1 lần kiểm tra lý thuyết

Trọng số 0,2

1 lần thi hết môn gồm:

Thi thực hành

Trọng số 0,4

Thi lý thuyết

Trọng số 0,4

Tổng 1

- Cách tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐKTLT} \times 0,2) + (\text{ĐTTH} \times 0,4) + (\text{ĐTLT} \times 0,4)$$

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC: DƯỢC LÝ LÂM SÀNG

1. Mã số: YHDL.587

2. Số tín chỉ: 2 LT: 1 TH: 1

3. Số tiết học: 45 LT: 15 TH: 45

4. Số giờ tự học: 60 tiết

5. Số lần kiểm tra: 02

6. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Dược lý, Khoa Dược Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Giảng viên môn học:

PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng – Khoa Dược Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Ths Phạm Văn Trường – Khoa Dược Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Ths. Nguyễn Thị Mai Loan - – Khoa Dược Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

A. MÔ TẢ HỌC PHẦN

- Môn học dược lý lâm sàng là môn cần thiết để giảng cho bác sĩ, là một trong các môn cơ sở, nền tảng cho việc giảng dạy và điều trị các môn chuyên ngành.
- Môn học này trang bị cho học viên kiến thức cơ bản, có hệ thống hiện đại, áp dụng cho các môn chuyên ngành trong việc chuẩn đoán và điều trị bệnh.
- Những nội dung đã được học ở bậc đại học (1) Các thuốc kháng sinh, corticoid, lợi tiểu. Tại bậc học này học viên được bổ xung kiến thức, cập nhật, mở rộng và nâng cao.

B. MỤC TIÊU HỌC PHẦN: Sau khi học xong môn này, sinh viên có khả năng:

1. Kiến thức

- Phân loại được các nhóm kháng sinh.
- Ứng dụng được cơ chế tác dụng, tác dụng, áp dụng lâm sàng, tương tác thuốc và tác dụng không mong muốn của các nhóm kháng sinh trong kê đơn.

2. Kỹ năng:

- Sử dụng được thuốc kháng sinh trong ngoại khoa
- Sử dụng được các thuốc kháng sinh trên một số cơ địa đặc biệt : suy gan, suy tim, phụ nữ có thai, người già

3.Thái độ:

- Nhận thức được tầm quan trọng của sử dụng thuốc kháng sinh trong điều trị và dự phòng ngoại khoa
- Hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp liên ngành

C.NỘI DUNG HỌC PHẦN

1. Lý thuyết

STT	TÊN CHƯƠNG / BÀI	SỐ TIẾT	
		Lên lớp	Tự học
1	Chương 1: Đại cương về dược lý học lâm sàng - Dược động học 1.1.Đại cương về dược lý học lâm sàng 1.2.Dược động học	04	07
2	Chương 2: Các thuốc kháng sinh 2.1. Đại cương 2.2. Nhóm beta- lactam 2.3. Nhóm Aminoglycosid (AG) 2.4. Nhóm Lincosamid 2.5. Nhóm Macrolid 2.6. Nhóm Phenicol 2.7. Nhóm Tetracylin 2.8. Nhóm Rifamycin 2.9. Kháng sinh đa peptid 2.10. Kháng sinh khác	06	10
3	Chương 3: Sử dụng thuốc kháng sinh trên một số cơ địa đặc biệt 3.1. Chỉ định	02	06

	3.2. Chống chỉ định		
4	Chương 4: Thuộc thiết yếu 4.1. Danh mục thuốc thiết yếu của Bộ Y tế 4.2. Sử dụng thuốc thiết yếu trong lâm sàng	03	07
	Tổng	15	30

2. Thực hành:

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT	
		<i>Lên lớp</i>	<i>Tự học</i>
1	- Chuyên đề sử dụng thuốc trong ngoại khoa	30	30
	Tổng	30	30

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

1. Phương pháp dạy:

- Thuyết trình, hướng dẫn tự học
- Thảo luận nhóm

2. Phương pháp học và tự học

- Học viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.

D. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

- Chuyên đề Dược lý lâm sàng, Trường đại học Y Dược Hải Phòng 2010. Tài liệu học tập Khoa dược học.

Tài liệu tham khảo

- Dược lý lâm sàng: Bộ môn Dược lý Đại học Y Hà Nội 2012. Nhà xuất bản Y học.
- Brunton LL, Lazo JS, Parker KL (2006), Goodman & Gilman's: The

pharmacological basis of therapeutics, McGraw-Hill, Inc, 11th edition.

- Katzung BG (2006), Basic and clinical pharmacology, McGraw-Hill Inc, 10th edition.

Vật liệu giảng dạy.

- Giáo trình, overhead, powerpoint.
- Phấn, bút dạ.

E. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.
- Thực hành: bệnh viện trường Đại học y dược hải phòng

F. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

1. Đánh giá ban đầu: hỏi học viên

2. Đánh giá trong quá trình học tập

- + Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực hành (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
- + Kiểm tra thường xuyên: câu hỏi ngắn.

3. Đánh giá kết thúc học phần

Sử dụng đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện để dự thi kết thúc học phần.

- Thi kết thúc học phần thực tập: viết chuyên đề, đủ điều kiện thì được thi lý thuyết
- Học phần lý thuyết: tham dự $\geq 90\%$ số tiết của học phần, và có kết quả kiểm tra thực hành lần 1 hoặc lần 2 ≥ 5 điểm
- Thi kết thúc học phần lý thuyết: tự luận

* Điểm tổng kết học phần = $(LT + TH)/2$

- o nếu học viên tham dự trên 70%, dưới 90% số tiết của học phần thì được điểm 0 và phải thi lại
- o nếu học viên tham dự dưới 70% số tiết của học phần lý thuyết thì phải học lại

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

PHẪU THUẬT LỒNG NGỰC

1. Mã số: YHLN.588

2. Số tín chỉ: 2 LT: 1 TH: 1

3. Số tiết học: 60 LT: 15 TH: 45

4. Số giờ tự học: 45

5. Số lần kiểm tra: 02

6. Số chứng chỉ: 1

7. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn ngoại- PTTH- Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên môn học:

- PGS.TS Phạm Văn Duyệt – Trưởng Bộ môn Ngoại – Phẫu thuật thực hành

- TS. Bùi Thanh Doanh – Trưởng khoa Lồng Ngực - Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng

A. MÔ TẢ MÔN HỌC

Bệnh lý lồng ngực rất quan trọng trong lĩnh vực bệnh học ngoại khoa, trong những năm gần đây nhờ sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, các phương tiện phục vụ chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa lồng ngực được áp dụng trong lâm sàng đã cứu sống được nhiều người mắc bệnh hiểm nghèo.

Trong quá trình học đại học, sinh viên mới chỉ được học rất ít về bệnh lý ngoại khoa lồng ngực. Trong quá trình học cao học, học viên sẽ được bổ xung thêm những kiến thức ngoại nhi chưa được học, được nâng cao về mặt lý thuyết và đặc biệt là thực hành lâm sàng những kiến thức ngoại khoa đã được học.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh lý ngoại khoa lồng ngực.

2. Trình bày được những kiến thức cơ bản về điều trị những bệnh lý ngoại khoa lồng ngực thường gặp.

3. Thực hiện được một số thủ thuật thông thường trong các lĩnh vực ngoại khoa lồng ngực.

C. Nội dung:

STT	NỘI DUNG	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1.	Chương 1: Chấn thương và vết thương ngực	1	4	4
2.	Chương 2: Màng sườn di động	1	4	4
3.	Chương 3: U trung thất	1	4	4
4	Chương 4: U phổi	1	4	4
5	Chương 5: Chấn thương và vết thương ngực	1	4	4
6	Chương 6: Màng sườn di động	1	4	4
7	Chương 7: Vết thương tim	1	4	4
8	Chương 8: Bệnh van tim	1	4	3
9	Chương 9: Đại cương phẫu thuật các bệnh tim bẩm sinh	1	4	3
10	Chương 10: Vết thương mạch máu vùng cổ và nền cổ	2	3	3
11	Chương 11: Phồng động mạch, thông động tĩnh mạch	2	3	4
12	Chương 12: Viêm tắc động mạch chi, tắc động mạch cấp tính	2	3	4
	Tổng	15	45	45

D. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY:

1. Thuyết trình, hướng dẫn học viên tự học
2. Thảo luận nhóm, case Study, bảng kiểm
3. Thực hành một số thủ thuật thông thường

E. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY - TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu Bộ môn biên soạn
2. Bách khoa thư bệnh học (2000). Nhà xuất bản Y học, tập 1.
3. Bách khoa thư bệnh học (2000). Nhà xuất bản Y học, tập 2.
4. Bệnh học Ngoại khoa Sau đại học, Tập 1, HVQY. (1992)
5. Bệnh học Ngoại khoa Sau đại học, Tập 2, HVQY (1993)
6. Howard San J. Michael Simpon: Surgery of the Cervical spine-1993

F. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ:

- + Thi viết bằng câu hỏi cải tiến
 - + Test đánh giá lâm sàng và thủ thuật
 - + Test đánh giá lý thuyết
 - + Hệ câu hỏi Q.C.M
- Số lần kiểm tra:2
- | | | |
|--------------------------|----------|-----|
| 1 lần kiểm tra lý thuyết | Trọng số | 0,2 |
| 1 lần thi hết môn gồm: | | |
| Thi thực hành | Trọng số | 0,4 |
| Thi lý thuyết | Trọng số | 0,4 |
| | Tổng | 1 |
- Cách tính điểm môn học:
- $$\text{ĐMH} = (\text{ĐKTLT} \times 0,2) + (\text{ĐTTH} \times 0,4) + (\text{ĐTLT} \times 0,4)$$

Đề cương môn học:

HÓA SINH - DỊCH MIỄN DỊCH LÂM SÀNG

1. Mã số: YHHS.589

2. Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 3

Thực hành: 0

3. Số tiết học: 45

Lý thuyết: 45

Thực hành: 0

4.Số giờ tự học: 90

5.Số lần kiểm tra: 02

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng và Hóa sinh

Giảng viên tham gia giảng dạy:

- 1.GS.TS Phạm Văn Thức –Trường ĐHYD Hải Phòng.

2.PGS.TS Phạm Huy Quyền - Trường ĐHYD Hải Phòng.

3.PGS.TS.Pham Văn Linh - Trường ĐHYD Hải Phòng.

4. PGS.TS.Phạm Thị Lý - Trường ĐHYD Hải Phòng.

A. MÔ TẢ MÔN HỌC

- Đây là môn học cần thiết để giảng cho bác sỹ, là một trong các môn cơ sở, nền tảng cho việc giảng dạy các môn lâm sàng

- Môn học này trang bị cho học viên kiến thức cơ bản, có hệ thống hiện đại, áp dụng cho các môn chuyên ngành trong việc chẩn đoán và điều trị

- Những nội dung ở phần này ở bậc đại học các học viên chưa được giảng. Do vậy ở bậc học này học viên sẽ được cập nhật kiến thức chuyên sâu và đầy đủ nhất

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Sau khi kết thúc khóa học, học viên có khả năng:

- Trình bày được những khái niệm cơ bản và hiện đại về các bệnh dị ứng và tự miễn

- Phát hiện sớm và xử trí một số bệnh di ứng và tự miễn hay gặp

- Hướng dẫn phòng các bệnh di ứng hay gặp ở cộng đồng

- Phân tích được các chỉ số hóa sinh bình thường và sự thay đổi liên quan của nó trong bệnh lý
- Phân tích được một số kết quả hóa sinh lâm sàng
- Làm và nhận định được các kết quả xét nghiệm nước tiểu thông thường và bệnh lý

C.NỘI DUNG MÔN HỌC

STT	Chủ đề	Số tiết		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1.	Một số khái niệm cơ bản và hiện đại về các bệnh dị ứng và tự miễn	4	0	8
2.	Các phương pháp chẩn đoán đặc hiệu các bệnh dị ứng và tự miễn dịch	6	0	12
3.	Những phương pháp cơ bản điều trị các bệnh dị ứng và bệnh tự miễn	4	0	8
4.	Phát hiện, chẩn đoán đặc hiệu và điều trị dị ứng thuốc	4	0	8
5.	Chẩn đoán và điều trị đặc hiệu bệnh hen phế quản	6	0	12
6.	Các xét nghiệm miễn dịch trong chẩn đoán một số bệnh tự miễn	4	0	12
7.	Cơ chế bệnh sinh của phản ứng viêm	6	0	10
8.	Rối loạn thăng bằng acid - base	5	0	10
9.	Rối loạn nước và điện giải	6	0	12
	Tổng	45	0	90

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy

- Dạy theo từng mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học
- Một số nội dung cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp

2. Phương pháp học

Học viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm

E. TÀI LIỆU DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

Bài giảng Hóa sinh - Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng : Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch trường Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn (Lưu hành nội bộ)

2. Tài liệu tham khảo

1. Miễn dịch học (giáo trình giảng dạy của bộ môn Miễn dịch Sinh lý bệnh – Trường Đại học Y Hà Nội – Nhà xuất bản y học 2011)
2. Sinh lý bệnh bệnh học – (Sách giáo trình giảng dạy của bộ môn Sinh lý bệnh –Miễn dịch-Trường Đại học Y Hà Nội – Nhà xuất bản y học 2008)
3. Pathophysiology – Seventh edition – ELSEVIER
4. Ivan Roitt: Essential immunology (bản dịch của bộ môn Miễn dịch – Sinh lý bệnh Trường Đại học Y Hà Nội, dùng cho tập huấn chuyên ngành Miễn dịch học các trường Đại học Y toàn quốc 1992)
5. Deboeck Universite’: Immunologie
6. Medscape.com & msdmanuals.com : “thuvienykhoa.com”, “hpmulib.vn”

F. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

1. Thi lý thuyết:

- **Đánh giá ban đầu.**

+ Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của học viên về môn Di ứng - Miễn dịch lâm sàng và môn Hóa sinh đã học ở bậc đại học

+ Yêu cầu: học viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng và môn Hóa sinh đã học ở bậc đại học

- Đánh giá quá trình: học viên có 01 bài kiểm tra điều kiện điểm đạt từ 5,0 trở lên

- **Đánh giá cuối kỳ:** học viên cần tham dự đủ các buổi học và có đủ 01 bài kiểm tra điều kiện

+ Hình thức thi: tự luận

+ Thời lượng thi: 120 phút

+ Yêu cầu: điểm tổng kết học phần cần đạt từ 5,0 trở lên. Nếu học viên không đạt sẽ được tổ chức thi lần 2. Học viên tham gia dưới 80% số giờ học hoặc thi lần 2 không đạt sẽ phải học lại.

2. Cách tính điểm học phần:

Kiểm tra 1 (ĐKTL1): Trọng số: 0,3

Thi hết môn: (ĐT): Trọng số: 0,7

Tổng trọng số: 1,0

Điểm tổng kết được tính theo công thức:

$$\text{DMH} = (\text{DKTL1} * 0,3) + (\text{DTHM} * 0,7)$$

G. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có máy chiếu, phân bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng học viên

PHẪU THUẬT TIM MẠCH

1. Mã số: YHTM.590

2. Số đơn vị học trình: 2

LT: 1

TH: 1

3. Số tiết học: 30

LT: 15

TH: 30

4. Số tiết tự học: 45

5. Số lần kiểm tra: 02

Số tín chỉ: 01

6. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn ngoại - PTTH- Trường Đại học Y Hải Phòng

Giảng viên môn học:

1. PGS.TS Nguyễn Thị Dung – Phó trưởng bộ môn Nội - Đại học Y Dược Hải Phòng

2. TS Bùi Thanh Doanh – Bộ môn Ngoại & Phẫu thuật thực hành.

A. MÔ TẢ MÔN HỌC

Bệnh lý tim mạch rất quan trọng trong lĩnh vực bệnh học ngoại khoa, trong những năm gần đây nhờ sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, các phương tiện phục vụ chẩn đoán, điều trị ngoại khoa các bệnh tim mạch như bệnh tim bẩm sinh, bệnh van tim, bệnh lý mạch vành đã có rất nhiều tiên bộ, nhiều kỹ thuật mới được áp dụng trong lâm sàng đã cứu sống được nhiều người mắc bệnh tim mạch hiểm nghèo.

Trong quá trình học đại học, sinh viên mới chỉ được học rất ít về điều trị ngoại khoa đối với bệnh lý tim mạch. Trong quá trình học cao học, học viên sẽ được bổ xung thêm những kiến thức chưa được học, được nâng cao về mặt lý thuyết và đặc biệt là thực hành lâm sàng những kiến thức ngoại khoa điều trị bệnh lý tim mạch đã được học.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh lý tim mạch.

2. Trình bày được những kiến thức về điều trị ngoại khoa các bệnh tim mạch thường gặp.

3. Thực hiện được một số thủ thuật thông thường trong điều trị ngoại khoa bệnh tim mạch.

C. NỘI DUNG

STT	Tên bài giảng – chuyên đề	Số tiết học		
		LT	TH	Tự học
1	Chương 1: Vết thương tim 1.1. Nguyên nhân 1.2. Giải phẫu bệnh 1.3. Triệu chứng lâm sàng 1.4. Sơ, cấp cứu vết thương tim	2	4	6
2	Chương 2: Bệnh van tim 2.1. Phân loại bệnh van tim 2.2. Hẹp van 2 lá 2.3. Hở van 2 lá 2.4. Hở van động mạch chủ 2.5. Hẹp van động mạch chủ 2.6. Chỉ định điều trị ngoại khoa với các bệnh van tim 2.7. Biến chứng 2.8. Hồi sức sau phẫu thuật tim mạch	3	6	9
3	Chương 3: Đại cương phẫu thuật các bệnh tim bẩm sinh 3.1. Phân loại bệnh tim bẩm sinh. 3.2. Triệu chứng lâm sàng của một số bệnh tim bẩm sinh hay gặp: - Còn ống động mạch	3	6	9

	- Thông liên thất - Thông liên nhĩ - Tứ chứng Fallote 3.3. Các phương pháp chẩn đoán bệnh tim bẩm sinh 3.4. Chỉ định điều trị ngoại khoa bệnh tim bẩm sinh. 3.5. Biến chứng của bệnh tim bẩm sinh. 3.6. Tiên lượng			
4	Chương 4: Vết thương mạch máu vùng cổ và nền cổ 4.1. Nguyên nhân 4.2. Triệu chứng lâm sàng 4.3. Sơ, cấp cứu vết thương mạch máu vùng cổ và nền cổ	2	4	6
5	Chương 5: Phồng động mạch, thông động tĩnh mạch 5.1. Nguyên nhân. 5.2. Giải phẫu bệnh 5.3. Phân loại 5.4. Triệu chứng lâm sàng của phồng động mạch, thông tĩnh, mạch. 5.5. Các phương pháp chẩn đoán phồng động mạch, thông tĩnh mạch	2	4	6
6	Chương 6: Viêm tắc động mạch chi, tắc động mạch cấp tính 6.1. Nguyên nhân 6.2. Cơ chế bệnh sinh.	2	4	6

	6.3. Triệu chứng lâm sàng của viêm tắc động mạch chi, tắc mạch cấp tính. 6.4. Các phương pháp chẩn đoán viêm tắc mạch chi 6.5. Chỉ định điều trị ngoại khoa trong viêm tắc động mạch chi			
7	Chương 7: Vết thương động mạch ngoại vi 7.1. Nguyên nhân 7.2. Triệu chứng lâm sàng 7.3. Sơ, cấp cứu vết thương động mạch ngoại vi	1	2	3
Tổng		15	30	45

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC:

1. Phương pháp dạy

- a. Thuyết trình, hướng dẫn học viên tự học.
- b. Thảo luận nhóm, case study, bảng kiểm, bed-side teaching.
- c. Thực hành một số thủ thuật, cầm tay chỉ việc

2. Phương pháp học

- a. Học viên tham gia trao đổi, thăm khám bệnh, thảo luận và trình ca lâm sàng, trực tiếp tham gia điều trị, tham gia phụ mổ...
- b. Học viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên, thuyết trình, thảo luận, tự học trên bệnh nhân, tự học kỹ năng,...

E. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY – THAM KHẢO

1. Tài liệu do Bộ môn biên soạn
2. Bệnh học ngoại T1 : Dùng cho sau đại học. - H. : Y học, 2006. – 339tr. ; 27cm
3. Bệnh học ngoại T2 : Dùng cho sau đại học. - H. : Y học, 2006. - 339Tr. ; 27cm

4. Bệnh học ngoại tập 1 / Trường Đại học Y Hà Nội. - Tái bản lần 3. - H. : Y học, 2004. - 271tr ; 27cm
5. Bệnh học ngoại tập 2 / Trường Đại học Y Hà Nội. - Tái bản lần 3. - H. : Y học, 2004. - 174tr. ; 27cm.
6. Plastic surgery: principles and pratice: Vol 1 / M.J. Jurkiewicz, M.D. - Toronto : Mosby, 1990. - 945p. ; 27cm
7. Complications in thoracic surgery : Recognition and management / Wolfe,Walter G.. - London : Mosby, 1992. - 319p.; 19cm
8. Atlas of surgical operations / Zobert M. Zollinger, Jr.. - NewYork : McGraw-Hill, 1993. - 848p. ; 40cm

F. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

- a. Chuyên cần: học viên đi thực hành bệnh viện đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận,...
- b. Kiểm tra thường xuyên: bệnh án lâm sàng, đạt chỉ tiêu lâm sàng
- c. Kiểm tra thực hành:
- d. Thi kết thúc học phần: làm bệnh án, thực hiện kỹ thuật trên người bệnh, vấn đáp.
- e. Thi tay nghề

. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ:

- + Thi viết bằng câu hỏi cải tiến
- + Test đánh giá lâm sàng và thủ thuật
- + Test đánh giá lý thuyết
- + Hệ câu hỏi Q.C.M

- Số lần kiểm tra:2

1 lần kiểm tra lý thuyết	Trọng số	0,2
1 lần thi hết môn gồm:		
Thi thực hành	Trọng số	0,4
Thi lý thuyết	Trọng số	0,4

Tổng 1

- Cách tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐKTLT} * 0,2) + (\text{ĐTTH} * 0,4) + (\text{ĐTLT} * 0,4)$$

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

1. Mã số: YHCH.591

2. Số tín chỉ: 2 LT: 1 TH: 1

3. Số tiết: 60 LT: 15 tiết TH: 45 tiết

4. Số lần kiểm tra: 1

5. Số chứng chỉ: 1

6. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

- PGS. TS. Nguyễn Quốc Hùng - Nguyên Trưởng Bộ môn.
- ThS. Bùi Hoàng Tú – Phó trưởng bộ môn Chẩn đoán hình ảnh.

A. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Môn Chẩn đoán hình ảnh là môn cần thiết để giảng cho các bác sỹ, là một trong những môn cơ sở, nền tảng cho việc giảng dạy các môn chuyên ngành.

Môn học này trang bị cho học viên kiến thức cơ bản, có hệ thống hiện đại, áp dụng cho các môn chuyên ngành trong việc chẩn đoán và điều trị bệnh.

Những nội dung đã được học ở bậc đại học (1) tại bậc học này học viên được bổ xung kiến thức, được cập nhật, mở rộng và nâng cao.

B. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Sau khi kết thúc khóa học, học viên phải đạt được chuẩn đầu ra sau:

- **Về kiến thức:**

- Nắm được những đặc điểm về hình ảnh trong các bệnh lý ngoại khoa
- Nắm được các phương pháp thăm khám về hình ảnh áp dụng trong các

bệnh ngoại khoa

- **Về thái độ:**

- Nhận thức được tầm quan trọng của các phương pháp chẩn đoán hình ảnh trong thực hành lâm sàng.

- Hợp tác tích cực giữa các khoa lâm sàng và chẩn đoán hình ảnh trong chẩn đoán và điều trị.

- **Về thực hành:**

- Phát hiện các tổn thương về hình ảnh

- Mô tả các đặc điểm hình ảnh, định hướng các bệnh thường gặp

C. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài giảng	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1	Các hội chứng lớn trong bệnh lý phổi – lồng ngực	2	6	4
2	Chẩn đoán hình ảnh viêm xương khớp háng, lao cột sống, các khối U xương - Lành tính: U tế bào khổng lồ, U sụn các loại - Ác tính: sarcome xương, Sarcome liên võng, di căn xương	2	6	4
3	Bệnh lý khớp: viêm cột sống, thoái hóa cột sống	2	6	4
4	Tiết niệu: các phương pháp khám hệ tiết niệu, UIV. Hội chứng tắc nghẽn và nguyên nhân, U thận	2	6	4
5	Hình ảnh dạ dày bình thường, loét dạ dày-tá tràng K dạ dày, K thực quản, co thắt thực quản, bóng thực quản, U đại tràng.	2	6	4
6	Cấp cứu bụng: tắc ruột, sỏi mật	2	6	4

7	Viêm tụy cấp	1	3	2
8	Tim và các mạch máu lớn: bệnh tim bẩm sinh: Fallot, CIA, CIV.. Một số bệnh tim mắc phải: HHL, Hẹp eo ĐMC, tràn dịch màng tim. Phồng động mạch chủ các đoạn	2	6	4
	Cộng	15	45	30

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

- Lý thuyết: Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực: phát vấn, thảo luận nhóm, dạy học theo mục tiêu. Một số nội dung được giao cho học viên chuẩn bị trước ở nhà.

- Thực hành: tại phòng đọc phim, máy chụp, máy siêu âm

- Vật liệu dạy học: Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu.

E. TÀI LIỆU HỌC TẬP

1. Tài liệu giảng dạy:

- Bài giảng chẩn đoán hình ảnh / Trường Đại học Y Hà Nội. - H. : Y học, 2001

2. Tài liệu tham khảo:

- Giải phẫu X Quang : Sách đào tạo cử nhân kỹ thuật y học. - H. : Y học, 2007

- Cẩm nang siêu âm. - H. : Y học, 2004

- Chẩn đoán hình ảnh bộ máy tiết niệu / Lange, S. - H. : Y học, 1999

- Siêu âm tổng quát. - Huế : NXB ĐH Huế, 2011

- Emergency radiology : Schwartz, David T. - USA. : McGraw - Hill, 2000

- Medical imaging : Essentials for physicians. - Chichester, West Sussex : John Wiley & Sons, 2013

3. Tài liệu hướng dẫn sinh viên tự học:

- Kỹ thuật X quang thông thường, tập 1 : sách đào tạo cử nhân kỹ thuật hình ảnh. - H. : Y học, 2008

F. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Sau môn học này học viên phải đạt được mục tiêu học tập.

Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- Thi viết bằng câu hỏi cải tiến
- Test đánh giá lý thuyết
- Hệ câu hỏi MCQ

Cách tính điểm môn học:

1 lần kiểm tra lý thuyết	Trọng số: 0.3
1 lần thi hết môn	Trọng số: 0.7
	Tổng trọng số: 1,0

Cách tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐKTLT} \times 0,3) + (\text{ĐTLT} \times 0,7)$$

G. CƠ SỞ VẬT CHẤT CẦN ĐỂ GIẢNG DẠY

- Lý thuyết:
 - + Giảng đường. Máy chiếu. Bảng. Loa đài, micro.
- Thực hành:
 - + Máy chụp Xquang, đèn đọc phim

PHẦN B. CÁC HỌC PHẦN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ DÀNH CHO NGHIÊN CỨU SINH ĐÃ CÓ BẰNG THẠC SĨ NGOẠI KHOA

2.1. CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC

Đề cương môn học:

GIẢI PHẪU ỨNG DỤNG LÂM SÀNG

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng: Bộ môn Ngoại- Đại học Y Dược Hải Phòng

Cán bộ giảng dạy:

1. PGS. TS. Phạm Văn Duyệt- Đại học Y Dược Hải Phòng
2. PGS.TS. Nguyễn Công Bình - Đại học Y Dược Hải Phòng

1. Mã số: YHMD.571

2. Số tín chỉ: 2 LT: 1 TH: 1

3. Số tiết học: LT: 15 TH: 45

4. Số lần kiểm tra 2 Thi hết môn 1 Điểm môn học 1

5. Số chứng chỉ: 1

6. MÔ TẢ MÔN HỌC:

Giải phẫu ứng dụng lâm sàng là môn học cung cấp cho học viên những kiến thức quan trọng về giải phẫu học liên quan đến phẫu thuật.

7. MỤC TIÊU HỌC TẬP:

Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

1. Trình bày được các giải phẫu ứng dụng phân khu trong phẫu thuật tiêu hoá.
2. Đánh giá được những bất thường giải phẫu khi phẫu thuật tiêu hoá.

8. NỘI DUNG

TT	Tên chuyên đề	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1	Phúc mạc	2	6	3
2	Vùng dạ dày	2	8	4
3	Vùng thực quản	2	6	3
4	Vùng tá tràng – tụy	1	6	3
5	Vùng gan	2	4	4
6	Vùng lách	2	4	4
7	Tầng dưới mạc treo đại tràng ngang	2	4	3
8	Đại tràng, trực tràng	1	4	3
9	Ống hậu môn	1	3	3
Tổng		15	45	30

9. Tài liệu giảng dạy:

1. Bài giảng giải phẫu – Trường Đại học Y - Hà Nội
2. Atlas giải phẫu người (1999) – Nhà xuất bản Y học - Hà Nội
3. Atlas giải phẫu người phần nội tạng (2004) – Nhà xuất bản Y học – Hà Nội
4. Textbook of Surgery , Sabiston 2008.
5. Schwartz's Principles of Surgery, 10th edition, 2015.
6. Principles & Practice of Surgery, 2012.
7. Netter's Clinical Anatomy 2nd.Ed, 2010

10. Phương pháp dạy học:

10.1. Phương pháp dạy/học : áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.

10.2. Vật liệu để dạy/học: phần, bảng, máy tính, máy chiếu projector, máy chiếu Overhead

11. Phương pháp đánh giá.

11.1. Hình thức kiểm tra và thi hết học phần:

1. Thi lý thuyết truyền thống.
2. Thi trắc nghiệm: Câu hỏi T/F, QROC, QCM

11.2. Cách tính điểm học phần:

- | | | | |
|------------------------|---|----------|-----|
| 1. Số lần kiểm tra: | 2 | Trọng số | 0,2 |
| 2. Số lần thi hết môn: | | | |
| Lý thuyết | 1 | Trọng số | 0,3 |
| Lâm sàng | 1 | Trọng số | 0,3 |

Tổng trọng số	1,0
----------------------	------------

Đề cương môn học:

PHẪU THUẬT NỘI SOI TIÊU HÓA

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng: Bộ môn Ngoại- Đại học Y Dược Hải Phòng

Cán bộ giảng dạy:

1. PGS. TS. Phạm Văn Duyệt- Đại học Y Dược Hải Phòng
2. PGS.TS. Nguyễn Công Bình- Đại học Y Dược Hải Phòng
3. GS.TS. Hà Văn Quyết- Đại học Y Dược Hải Phòng

1. Mã số: YHNS.593

2. Số tín chỉ: 2 LT: 01 TH: 01

3. Số tiết học: LT: 15 TH: 45

4. Số lần kiểm tra 2 Thi hết môn 2 Điểm môn học 2

5. Số chứng chỉ: 1

6. MÔ TẢ MÔN HỌC:

Phẫu thuật nội soi tiêu hóa là môn học cung cấp cho học viên kiến thức, kỹ năng về phẫu thuật nội soi cơ bản và các phẫu thuật nội soi ổ bụng.

7. MỤC TIÊU HỌC TẬP: *Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:*

1. Trình bày được kiến thức cơ bản để ứng nội soi phẫu thuật hệ tiêu hoá
2. Thực hiện được một số kỹ năng cơ bản trong nội soi phẫu thuật hệ tiêu hoá.

8. NỘI DUNG:

TT	Tên chuyên đề	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1	Máy – dụng cụ	2	6	3
2	Phương pháp bơm hơi thay đổi sinh lý	2	4	4

3	Phương pháp cầm máu	2	4	3
4	Gây mê hồi sức trong phẫu thuật nội soi ổ bụng	1	4	3
5	Nội soi chẩn đoán và xử trí	1	4	2
6	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật	1	4	2
7	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	2	4	3
8	Phẫu thuật nội soi cắt u đại tràng	1	4	3
9	Phẫu thuật nội soi cắt ruột non	1	2	3
10	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng	1	4	2
11	Phẫu thuật nội soi phẫu thuật thoát vị bẹn	1	5	2
Tổng		15	45	30

9. Tài liệu giảng dạy:

1. Tài liệu do Bộ môn biên soạn
2. Bệnh học ngoại T1 : Dùng cho sau đại học. - H. : Y học, 2006. – 339tr. ; 27cm
3. Bệnh học ngoại T2 : Dùng cho sau đại học. - H. : Y học, 2006. - 339Tr. ; 27cm
4. Bệnh học ngoại tập 1 / Trường Đại học Y Hà Nội. - Tái bản lần 3. - H. : Y học, 2004. - 271tr ; 27cm
5. Bệnh học ngoại tập 2 / Trường Đại học Y Hà Nội. - Tái bản lần 3. - H. : Y học, 2004. - 174tr. ; 27cm.
6. Bệnh học ngoại : Tụy lách / Nguyễn Đức Ninh. - H. : Y học, 1991. - 146 tr. ; 24 cm
7. Cấp cứu ngoại khoa : Urgences chirurgicales / Chiche,B. - H.:Y học, 1992. - 196 tr.;19 cm
8. Cấp cứu ngoại khoa về bụng / Nguyễn Đức Ninh. - H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001. - 138 tr. ; 19 cm
9. Lâm sàng ngoại khoa gan - mật - tụy. - H. : Y học, 2008. - 259tr. ; 21cm.

10. Maingot's abdominal operations / Michael J. Zinner. - 12th ed. - New York : McGraw-Hill, 2013. - 1309p. ; 28cm
11. Basic surgical operations / Foster E. M. - Edinburgh : Churchill livingstone, 2000. - 129p. ; 21cm
12. Review for surgery scientific principles and practice : Lazar J. Greenfield, Keith D. Lillemoe. Mulhollan. - 2nd ed. - New York : Williams & Wilkins, 1998. - 513 p. ; 19 cm.
13. Surgery a problem - Solving approach: Volume 1 / M. D. John H. Davis. - 7 edition.. - Melissa Martin : Mosby, 2002. - 1050 tr. ; 27 cm.

10. Phương pháp dạy học:

10.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.

10.2. Vật liệu để dạy/học: phấn, bảng, máy tính, máy chiếu projector, đèn máy nội soi

11. Phương pháp đánh giá.

11.1. Hình thức kiểm tra và thi hết học phần:

1. Thi lý thuyết truyền thống.
2. Thi trắc nghiệm: Câu hỏi T/F, QROC, QCM

11.2. Cách tính điểm học phần:

- | | | | |
|------------------------|---|----------|-----|
| 1. Số lần kiểm tra: | 2 | Trọng số | 0,2 |
| 2. Số lần thi hết môn: | | | |
| Lý thuyết | 1 | Trọng số | 0,3 |
| Tay nghề | 1 | Trọng số | 0,3 |

Tổng trọng số 1,0

Đề cương học phần:

CẤP CỨU NGOẠI KHOA Ổ BỤNG

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng: Bộ môn Ngoại- Đại học Y Dược Hải Phòng

Cán bộ giảng dạy:

1. PGS. TS. Phạm Văn Duyệt- Đại học Y Dược Hải Phòng
2. PGS.TS. Nguyễn Công Bình- Đại học Y Dược Hải Phòng
3. GS.TS. Hà Văn Quyết- Đại học Y Dược Hải Phòng

1. Mã số: YHNB.592

2. Số tín chỉ: 02 LT: 01 TH: 01

3. Số tiết học: LT: 15 TH: 45

4. Số lần kiểm tra 2 Thi hết môn 2 Điểm môn học 2

5. Số chứng chỉ: 1

6. MÔ TẢ MÔN HỌC :

Cấp cứu ngoại khoa ổ bụng cung cấp kiến thức và kỹ năng chẩn đoán, điều trị thực thụ các bệnh lý ngoại khoa bụng cần xử trí cấp cứu.

7. MỤC TIÊU HỌC TẬP: *Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:*

- Trình bày được kiến thức sâu và cập nhật, cần thiết để ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị các cấp cứu ngoại khoa ổ bụng.
- Làm được các kỹ năng cơ bản trong điều trị phẫu thuật cấp cứu ngoại khoa ổ bụng.

8. NỘI DUNG :

TT	Tên chuyên đề	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1	Chảy máu tiêu hoá	4	10	8
	1.1. Chảy máu tiêu hoá cao			
	1.2. Chảy máu tiêu hoá thấp			

2	Tắc ruột cơ học 2.1. Nguyên nhân 2.2. Phân loại 2.3. Sinh lý bệnh 2.4. Triệu chứng lâm sàng 2.5. các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh 2.6. Sơ cấp cứu bệnh nhân 2.7. Điều trị	4	10	8
3	Viêm ruột 3.1. Viêm ruột thừa cấp ở trẻ em, phụ nữ có thai, người già 3.2. Thủng ruột do thương hàn 3.3. Nhồi máu mạc treo ruột 3.4. Viêm ruột hoại tử	6	10	12
4	Áp xe tồn dư sau mô ô bụng	3	5	6
Tổng		15	45	30

9. Tài liệu giảng dạy:

1. Tài liệu do Bộ môn biên soạn
2. Bệnh học ngoại T1 : Dành cho sau đại học. - H. : Y học, 2006. – 339tr. ; 27cm
3. Bệnh học ngoại T2 : Dành cho sau đại học. - H. : Y học, 2006. - 339Tr. ; 27cm
4. Bệnh học ngoại tập 1 / Trường Đại học Y Hà Nội. - Tái bản lần 3. - H. : Y học, 2004. - 271tr ; 27cm
5. Bệnh học ngoại tập 2 / Trường Đại học Y Hà Nội. - Tái bản lần 3. - H. : Y học, 2004. - 174tr. ; 27cm.

6. Bệnh học ngoại : Tụy lách / Nguyễn Đức Ninh. - H. : Y học, 1991. - 146 tr. ; 24 cm
7. Cấp cứu ngoại khoa : Urgences chirurgicales / Chiche,B. - H.:Y học, 1992. - 196 tr.;19 cm
8. Cấp cứu ngoại khoa về bụng / Nguyễn Đức Ninh. - H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001. - 138 tr. ; 19 cm
9. Lâm sàng ngoại khoa gan - mật - tụy. - H. : Y học, 2008. - 259tr. ; 21cm.
10. Maingot's abdominal operations / Michael J. Zinner. - 12th ed. - New York : McGraw-Hill, 2013. - 1309p. ; 28cm
11. Basic surgical operations / Foster E. M. - Edinburgh : Churchill livingstone, 2000. - 129p. ; 21cm
12. Review for surgery scientific principles and practice : Lazar J.Greenfield, Keith D.Lillemoe. Mulhollan. - 2nd ed. - New York : Williams & Wilkins, 1998. - 513 p. ; 19 cm.
13. Surgery a problem - Solving approach: Volume 1 / M. D.John H. Davis. - 7 edition.. - Melissa Martin : Mosby, 2002. - 1050 tr. ; 27 cm.

10. Phương pháp dạy học:

10.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.

10.2. Vật liệu để dạy/học: phấn, bảng, máy tính, máy chiếu projector, dàn máy nội soi

11. Phương pháp đánh giá.

11.1. Hình thức kiểm tra và thi hết học phần:

1. Thi lý thuyết truyền thống.
2. Thi trắc nghiệm: Câu hỏi T/F, QROC, QCM

11.2. Cách tính điểm học phần:

1. Số lần kiểm tra: 2 Trọng số 0,2

2. Số lần thi hết môn:

Lý thuyết	1	Trọng số	0,3
Lâm sàng	1	Trọng số	0,3

Tổng trọng số 1,0

2.1. CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN (NGHIÊN CỨU SINH CHỌN MỘT TRONG CÁC HỌC PHẦN SAU CHO PHÙ HỢP VỚI HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Đề cương môn học:

BỆNH LÝ NGOẠI KHOA GAN MẬT

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng: Bộ môn Ngoại- Đại học Y Dược Hải Phòng

Cán bộ giảng dạy:

1. PGS. TS. Phạm Văn Duyệt- Đại học Y Dược Hải Phòng
2. GS.TS. Hà Văn Quyết- Đại học Y Dược Hải Phòng
3. PGS.TS. Nguyễn Lam Hòa- Đại học Y Dược Hải Phòng

1. Mã số: YHGM.528

2. Số tín chỉ: 02 LT: 01 TH: 01

3. Số tiết học: LT: 15 TH: 45

4. Số lần kiểm tra 2 Thi hết môn 2 Điểm môn học 1

5. Số chứng chỉ: 1

6. MÔ TẢ MÔN HỌC :

Môn học cung cấp các kiến thức bệnh học và phẫu thuật về bệnh lý gan mật.

7. MỤC TIÊU HỌC TẬP

Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

1. Trình bày được kiến thức sâu về các bệnh lý gan mật.
2. Thực hiện được các phẫu thuật cơ bản trong điều trị bằng phẫu thuật bệnh lý gan mật.

8. NỘI DUNG:

TT	Tên chuyên đề	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1	Nang gan	2	5	3
2	Áp xe gan	2	4	3
3	Ung thư gan	2	4	3
4	Sỏi gan	2	6	3
5	Đại cương ghép gan	2	4	3
6	Ung thư đường mật	1	6	3
7	Sỏi đường mật ngoài gan	1	4	3
8	Biến chứng sỏi ống mật chủ	1	4	3
9	Các kỹ thuật nối mật ruột	1	4	3
10	Tai biến đường mật do phẫu thuật	1	4	3
Tổng		15	45	30

9. Tài liệu giảng dạy:

9. Tài liệu giảng dạy:

1. Tài liệu do Bộ môn biên soạn
2. Bệnh học ngoại T1 : Dành cho sau đại học. - H. : Y học, 2006. – 339tr. ; 27cm
3. Bệnh học ngoại T2 : Dành cho sau đại học. - H. : Y học, 2006. - 339Tr. ; 27cm
4. Bệnh học ngoại tập 1 / Trường Đại học Y Hà Nội. - Tái bản lần 3. - H. : Y học, 2004. - 271tr ; 27cm
5. Bệnh học ngoại tập 2 / Trường Đại học Y Hà Nội. - Tái bản lần 3. - H. : Y học, 2004. - 174tr. ; 27cm.

6. Bệnh học ngoại : Tụy lách / Nguyễn Đức Ninh. - H. : Y học, 1991. - 146 tr. ; 24 cm
7. Cấp cứu ngoại khoa : Urgences chirurgicales / Chiche,B. - H.:Y học, 1992. - 196 tr.;19 cm
8. Cấp cứu ngoại khoa về bụng / Nguyễn Đức Ninh. - H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001. - 138 tr. ; 19 cm
9. Lâm sàng ngoại khoa gan - mật - tụy. - H. : Y học, 2008. - 259tr. ; 21cm.
10. Maingot's abdominal operations / Michael J. Zinner. - 12th ed. - New York : McGraw-Hill, 2013. - 1309p. ; 28cm
11. Basic surgical operations / Foster E. M. - Edinburgh : Churchill livingstone, 2000. - 129p. ; 21cm
12. Review for surgery scientific principles and practice : Lazar J.Greenfield, Keith D.Lillemoe. Mulhollan. - 2nd ed. - New York : Williams & Wilkins, 1998. - 513 p. ; 19 cm.
13. Surgery a problem - Solving approach: Volume 1 / M. D.John H. Davis. - 7 edition.. - Melissa Martin : Mosby, 2002. - 1050 tr. ; 27 cm

10. Phương pháp dạy học:

10.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.

10.2. Vật liệu để dạy/học: phấn, bảng, máy tính, máy chiếu projector, máy chiếu Overhead

11. Phương pháp đánh giá.

11.1. Hình thức kiểm tra và thi hết học phần:

1. Thi lý thuyết truyền thống.
2. Thi trắc nghiệm: Câu hỏi T/F, QROC, QCM

11.2. Cách tính điểm học phần:

1. Số lần kiểm tra: 2 Trọng số 0,2

2. Số lần thi hết môn:

 Lý thuyết 1 Trọng số 0,3

 Lâm sàng 1 Trọng số 0,3

Tổng trọng số 1,0

Đề cương học phần:

BỆNH LÝ NGOẠI KHOA TỤY LÁCH

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng: Bộ môn Ngoại- Đại học Y Dược Hải Phòng

Cán bộ giảng dạy:

1. PGS. TS. Phạm Văn Duyệt- Đại học Y Dược Hải Phòng
2. GS.TS. Hà Văn Quyết- Đại học Y Dược Hải Phòng
3. PGS.TS. Nguyễn Lam Hòa- Đại học Y Dược Hải Phòng

1. Mã số: YHTL.583

2. Số tín chỉ: 02 LT: 01 TH: 01

3. Số tiết học: LT: 15 TH: 45

4. Số lần kiểm tra 2 Thi hết môn 1 Điểm môn học 1

5. Số chứng chỉ: 1

6. MÔ TẢ MÔN HỌC :

Môn học cung cấp các kiến thức bệnh học và phẫu thuật về bệnh lý tụy lách.

7. MỤC TIÊU HỌC TẬP

Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

1. Trình bày được kiến thức sâu về các bệnh lý tụy lách.
2. Thực hiện được các phẫu thuật cơ bản trong điều trị bệnh lý tụy lách.

8. NỘI DUNG :

TT	Tên chuyên đề	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1	Viêm tụy cấp hoại tử	2	5	3
2	Nang giả tụy	2	4	3
3	Áp xe tụy	2	4	3

4	Viêm tụy mạn	2	6	3
5	Sỏi tụy	2	4	3
6	Ung thư tụy	1	6	3
7	Ung thư bóng Vater	1	4	3
8	Tai biến sau cắt lách	1	4	3
9	Lách to	1	4	3
10	Vỡ phồng động mạch lách	1	4	3
Tổng		15	45	30

9. Tài liệu giảng dạy:

1. Tài liệu do Bộ môn biên soạn
2. Bệnh học ngoại T1 : Dành cho sau đại học. - H. : Y học, 2006. – 339tr. ; 27cm
3. Bệnh học ngoại T2 : Dành cho sau đại học. - H. : Y học, 2006. - 339Tr. ; 27cm
4. Bệnh học ngoại tập 1 / Trường Đại học Y Hà Nội. - Tái bản lần 3. - H. : Y học, 2004. - 271tr ; 27cm
5. Bệnh học ngoại tập 2 / Trường Đại học Y Hà Nội. - Tái bản lần 3. - H. : Y học, 2004. - 174tr. ; 27cm.
6. Bệnh học ngoại : Tụy lách / Nguyễn Đức Ninh. - H. : Y học, 1991. - 146 tr. ; 24 cm
7. Cấp cứu ngoại khoa : Urgences chirurgicales / Chiche,B. - H.:Y học, 1992. - 196 tr.;19 cm
8. Cấp cứu ngoại khoa về bụng / Nguyễn Đức Ninh. - H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001. - 138 tr. ; 19 cm
9. Lâm sàng ngoại khoa gan - mật - tụy. - H. : Y học, 2008. - 259tr. ; 21cm.

10. Maingot's abdominal operations / Michael J. Zinner. - 12th ed. - New York : McGraw-Hill, 2013. - 1309p. ; 28cm
11. Basic surgical operations / Foster E. M. - Edinburgh : Churchill livingstone, 2000. - 129p. ; 21cm
12. Review for surgery scientific principles and practice : Lazar J.Greenfield, Keith D.Lillemoe. Mulhollan. - 2nd ed. - New York : Williams & Wilkins, 1998. - 513 p. ; 19 cm.
13. Surgery a problem - Solving approach: Volume 1 / M. D.John H. Davis. - 7 edition.. - Melissa Martin : Mosby, 2002. - 1050 tr. ; 27 cm

10. Phương pháp dạy học:

10.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.

10.2. Vật liệu để dạy/học: phấn, bảng, máy tính, máy chiếu projector, máy chiếu Overhead

11. Phương pháp đánh giá.

11.1. Hình thức kiểm tra và thi hết học phần:

1. Thi lý thuyết truyền thống.
2. Thi trắc nghiệm: Câu hỏi T/F, QROC, QCM

11.2. Cách tính điểm học phần:

- | | | | |
|------------------------|-----------|----------|--------------|
| 1. Số lần kiểm tra: | 2 | Trọng số | 0,2 |
| 2. Số lần thi hết môn: | | | |
| | Lý thuyết | 1 | Trọng số 0,3 |
| | Lâm sàng | 1 | Trọng số 0,3 |

Tổng trọng số 1,0

Đề cương môn học:

BỆNH LÝ NGOẠI KHOA THỰC QUẢN- DẠ DÀY- RUỘT NON

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng: Bộ môn Ngoại- Đại học Y Dược Hải Phòng

Cán bộ giảng dạy:

1. PGS. TS. Phạm Văn Duyệt- Đại học Y Dược Hải Phòng
2. GS.TS. Hà Văn Quyết- Đại học Y Dược Hải Phòng
3. PGS.TS. Phạm Văn Nhiên- Trường đại học Y Dược Hải Phòng
- 4.

1. Mã số: YHDD.584

2. Số tín chỉ: 02 LT: 01 TH: 01

3. Số tiết học: LT: 15 TH: 45

4. Số lần kiểm tra 2 Thi hết môn 2 Điểm môn học 1

5. Số chứng chỉ: 1

6. MÔ TẢ MÔN HỌC:

Môn học cung cấp các kiến thức bệnh học và phẫu thuật về bệnh lý của Thực quản, dạ dày, tá tràng và ruột non.

7. MỤC TIÊU HỌC TẬP

: *Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:*

1. Trình bày được kiến thức sâu về các bệnh lý thực quản, dạ dày, ruột non.
2. Thực hiện được các phẫu thuật cơ bản trong điều trị bằng phẫu thuật bệnh lý dạ dày, ruột non.

8. NỘI DUNG:

TT	Tên chuyên đề	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1	Ung thư thực quản	1	5	3
2	U lành tính thực quản	2	4	3
3	Phình giãn thực quản, túi thừa thực quản	2	4	3
4	Ung thư dạ dày Ung thư dạ dày	2	6	3
5	U lành tính dạ dày	2	4	3
6	Hẹp môn vị	1	6	3
7	Ung thư tá tràng	1	4	3
8	Các phương pháp điều trị phẫu thuật loét dạ dày, thực quản	1	4	3
9	Ung thư ruột non	1	4	3
10	Bệnh Crohn	1	2	1
11	Lao ruột	1	2	2
Tổng		15	45	30

9. Tài liệu giảng dạy:

9. Tài liệu giảng dạy:

1. Tài liệu do Bộ môn biên soạn
2. Bệnh học ngoại T1 : Dành cho sau đại học. - H. : Y học, 2006. – 339tr. ; 27cm
3. Bệnh học ngoại T2 : Dành cho sau đại học. - H. : Y học, 2006. - 339Tr. ; 27cm
4. Bệnh học ngoại tập 1 / Trường Đại học Y Hà Nội. - Tái bản lần 3. - H. : Y học, 2004. - 271tr ; 27cm
5. Bệnh học ngoại tập 2 / Trường Đại học Y Hà Nội. - Tái bản lần 3. - H. : Y

học, 2004. - 174tr. ; 27cm.

6. Bệnh học ngoại : Tụy lách / Nguyễn Đức Ninh. - H. : Y học, 1991. - 146 tr. ; 24 cm
7. Cấp cứu ngoại khoa : Urgences chirurgicales / Chiche,B. - H.:Y học, 1992. - 196 tr.;19 cm
8. Cấp cứu ngoại khoa về bụng / Nguyễn Đức Ninh. - H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001. - 138 tr. ; 19 cm
9. Lâm sàng ngoại khoa gan - mật - tụy. - H. : Y học, 2008. - 259tr. ; 21cm.
10. Maingot's abdominal operations / Michael J. Zinner. - 12th ed. - New York : McGraw-Hill, 2013. - 1309p. ; 28cm
11. Basic surgical operations / Foster E. M. - Edinburgh : Churchill livingstone, 2000. - 129p. ; 21cm
12. Review for surgery scientific principles and practice : Lazar J.Greenfield, Keith D.Lillemoie. Mulhollan. - 2nd ed. - New York : Williams & Wilkins, 1998. - 513 p. ; 19 cm.
13. Surgery a problem - Solving approach: Volume 1 / M. D.John H. Davis. - 7 edition.. - Melissa Martin : Mosby, 2002. - 1050 tr. ; 27 cm

10. Phương pháp dạy học:

10.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.

10.2. Vật liệu để dạy/học: phấn, bảng, máy tính, máy chiếu projector, máy chiếu Overhead

11. Phương pháp đánh giá.

11.1. Hình thức kiểm tra và thi hết học phần:

1. Thi lý thuyết truyền thống.

2. Thi trắc nghiệm: Câu hỏi T/F, QROC, QCM

11.2. Cách tính điểm học phần:

1. Số lần kiểm tra: 2 Trọng số 0,2

2. Số lần thi hết môn:

Lý thuyết 1 Trọng số 0,3

Lâm sàng 1 Trọng số 0,3

Tổng trọng số 1,0

Đề cương môn học:

BỆNH LÝ ĐẠI TRỰC TRÀNG, HẬU MÔN

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng: Bộ môn Ngoại- Đại học Y Dược Hải Phòng

Cán bộ giảng dạy:

1. PGS. TS. Phạm Văn Duyệt- Đại học Y Dược Hải Phòng
2. GS.TS. Hà Văn Quyết- Đại học Y Dược Hải Phòng
3. PGS.TS. Nguyễn Lam Hòa- Đại học Y Dược Hải Phòng

1. Mã số: YHHM.585

2. Số tín chỉ: 02 LT: 01 TH: 01

3. Số tiết học: LT: 1 TH: 45

4. Số lần kiểm tra 2 Thi hết môn 2 Điểm môn học 2

5. Số chứng chỉ: 1

6. MÔ TẢ MÔN HỌC:

Môn học cung cấp các kiến thức bệnh học và phẫu thuật về bệnh lý của Thực quản, dạ dày, tá tràng và ruột non.

7. MỤC TIÊU HỌC TẬP

Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

1. Trình bày được kiến thức sâu về các bệnh lý thực quản, dạ dày, ruột non.
2. Thực hiện được các phẫu thuật cơ bản trong điều trị bằng phẫu thuật bệnh lý dạ dày, ruột non.

8. NỘI DUNG:

TT	Tên chuyên đề	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1	Polyp đại trực tràng	2	5	6
2	Ung thư đại tràng	2	5	3
3	Các phương pháp làm hậu môn nhân tạo	2	4	3

4	Túi thừa đại tràng	2	6	3
5	Ung thư trực tràng	2	4	3
6	Sa trực tràng	1	6	3
7	Ung thư ống hậu môn	2	5	3
8	Rò hậu môn	1	5	3
9	Nứt kẽ hậu môn	1	5	3
Tổng		15	45	30

9. Tài liệu giảng dạy:

1. Tài liệu do Bộ môn biên soạn
2. Bệnh học ngoại T1 : Dành cho sau đại học. - H. : Y học, 2006. – 339tr. ; 27cm
3. Bệnh học ngoại T2 : Dành cho sau đại học. - H. : Y học, 2006. - 339Tr. ; 27cm
4. Bệnh học ngoại tập 1 / Trường Đại học Y Hà Nội. - Tái bản lần 3. - H. : Y học, 2004. - 271tr ; 27cm
5. Bệnh học ngoại tập 2 / Trường Đại học Y Hà Nội. - Tái bản lần 3. - H. : Y học, 2004. - 174tr. ; 27cm.
6. Bệnh học ngoại : Tụy lách / Nguyễn Đức Ninh. - H. : Y học, 1991. - 146 tr. ; 24 cm
7. Cấp cứu ngoại khoa : Urgences chirurgicales / Chiche,B. - H.:Y học, 1992. - 196 tr.;19 cm
8. Cấp cứu ngoại khoa về bụng / Nguyễn Đức Ninh. - H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001. - 138 tr. ; 19 cm
9. Lâm sàng ngoại khoa gan - mật - tụy. - H. : Y học, 2008. - 259tr. ; 21cm.
10. Maingot's abdominal operations / Michael J. Zinner. - 12th ed. - New York : McGraw-Hill, 2013. - 1309p. ; 28cm

11. Basic surgical operations / Foster E. M. - Edinburgh : Churchill livingstone, 2000. - 129p. ; 21cm
12. Review for surgery scientific principles and practice : Lazar J. Greenfield, Keith D. Lillemoe. Mulhollan. - 2nd ed. - New York : Williams & Wilkins, 1998. - 513 p. ; 19 cm.
13. Surgery a problem - Solving approach: Volume 1 / M. D. John H. Davis. - 7 edition.. - Melissa Martin : Mosby, 2002. - 1050 tr. ; 27 cm

10. Phương pháp dạy học:

10.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.

10.2. Vật liệu để dạy/học: phấn, bảng, máy tính, máy chiếu projector, máy chiếu Overhead

11. Phương pháp đánh giá.

11.1. Hình thức kiểm tra và thi hết học phần:

1. Thi lý thuyết truyền thống.
2. Thi trắc nghiệm: Câu hỏi T/F, QROC, QCM

11.2. Cách tính điểm học phần:

- | | | | |
|------------------------|-----------|----------|--------------|
| 1. Số lần kiểm tra: | 2 | Trọng số | 0,2 |
| 2. Số lần thi hết môn: | | | |
| | Lý thuyết | 1 | Trọng số 0,3 |
| | Lâm sàng | 1 | Trọng số 0,3 |

Tổng trọng số 1,0

Đề cương học phần:

BỆNH LÝ CHẤN THƯƠNG BỤNG KÍN

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng: Bộ môn Ngoại- Đại học Y Dược Hải Phòng

Cán bộ giảng dạy:

1. PGS. TS. Phạm Văn Duyệt- Đại học Y Dược Hải Phòng
2. GS.TS. Hà Văn Quyết- Đại học Y Dược Hải Phòng
3. PGS.TS. Nguyễn Lam Hòa- Đại học Y Dược Hải Phòng

1. Mã số: YHBK.586

2. Số tín chỉ: 02 LT: 01 TH: 01

3. Số tiết học: LT: 15 TH: 45

4. Số lần kiểm tra 2 Thi hết môn 2 Điểm môn học 2

5. Số chứng chỉ: 1

6. MÔ TẢ MÔN HỌC:

Môn học cung cấp các kiến thức bệnh học và phẫu thuật về bệnh lý của chấn thương bụng kín

7. MỤC TIÊU HỌC TẬP

Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

1. Trình bày được kiến thức sâu về các bệnh lý chấn thương bụng kín
2. Thực hiện được các phẫu thuật cơ bản trong phẫu thuật chấn thương bụng kín.

8. NỘI DUNG:

TT	Tên chuyên đề	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1	Chấn thương gan	2	5	3
2	Chấn thương lách	2	5	3
3	Chấn thương tụy	2	4	3
4	Vỡ tá tràng	2	4	3

5	Vỡ ruột non	2	4	3
6	Vỡ đại tràng	1	4	3
7	Chẩn đoán, xử trí chấn thương ngực bụng	1	5	3
8	Chấn thương các mạch máu lớn trong chấn thương bụng kín	1	5	3
9	Vỡ bàng quang	1	5	3
10	Chấn thương thận	1	4	3
Tổng		15	45	30

9. Tài liệu giảng dạy:

1. Tài liệu do Bộ môn biên soạn
2. Bệnh học ngoại T1 : Dành cho sau đại học. - H. : Y học, 2006. – 339tr. ; 27cm
3. Bệnh học ngoại T2 : Dành cho sau đại học. - H. : Y học, 2006. - 339Tr. ; 27cm
4. Bệnh học ngoại tập 1 / Trường Đại học Y Hà Nội. - Tái bản lần 3. - H. : Y học, 2004. - 271tr ; 27cm
5. Bệnh học ngoại tập 2 / Trường Đại học Y Hà Nội. - Tái bản lần 3. - H. : Y học, 2004. - 174tr. ; 27cm.
6. Bệnh học ngoại : Tụy lách / Nguyễn Đức Ninh. - H. : Y học, 1991. - 146 tr. ; 24 cm
7. Cấp cứu ngoại khoa : Urgences chirurgicales / Chiche,B. - H.:Y học, 1992. - 196 tr.;19 cm
8. Cấp cứu ngoại khoa về bụng / Nguyễn Đức Ninh. - H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001. - 138 tr. ; 19 cm
9. Lâm sàng ngoại khoa gan - mật - tụy. - H. : Y học, 2008. - 259tr. ; 21cm.

10. Maingot's abdominal operations / Michael J. Zinner. - 12th ed. - New York : McGraw-Hill, 2013. - 1309p. ; 28cm
11. Basic surgical operations / Foster E. M. - Edinburgh : Churchill livingstone, 2000. - 129p. ; 21cm
12. Review for surgery scientific principles and practice : Lazar J. Greenfield, Keith D. Lillemoe. Mulhollan. - 2nd ed. - New York : Williams & Wilkins, 1998. - 513 p. ; 19 cm.
13. Surgery a problem - Solving approach: Volume 1 / M. D. John H. Davis. - 7 edition.. - Melissa Martin : Mosby, 2002. - 1050 tr. ; 27 cm.

10. Phương pháp dạy học:

10.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.

10.2. Vật liệu để dạy/học: phấn, bảng, máy tính, máy chiếu projector, máy chiếu Overhead

11. Phương pháp đánh giá.

11.1. Hình thức kiểm tra và thi hết học phần:

1. Thi lý thuyết truyền thống.
2. Thi trắc nghiệm: Câu hỏi T/F, QROC, QCM

11.2. Cách tính điểm học phần:

- | | | | |
|------------------------|-----------|----------|--------------|
| 1. Số lần kiểm tra: | 2 | Trọng số | 0,2 |
| 2. Số lần thi hết môn: | | | |
| | Lý thuyết | 1 | Trọng số 0,3 |
| | Lâm sàng | 1 | Trọng số 0,3 |

Tổng trọng số 1,0

Đề cương môn học:

BỆNH LÝ THOÁT VỊ

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng: Bộ môn Ngoại- Đại học Y Dược Hải Phòng

Cán bộ giảng dạy:

1. PGS.TS. Phạm Văn Duyệt- Đại học Y Dược Hải Phòng
2. GS.TS. Hà Văn Quyết- Đại học Y Dược Hải Phòng
3. PGS.TS. Nguyễn Lam Hòa- Đại học Y Dược Hải Phòng
4. PGS.TS. Phạm Văn Nhiên- Trường đại học Y Dược Hải Phòng

1. Mã số: YHbk.586

2. Số tín chỉ: 02 LT: 01 TH: 01

3. Số tiết học: LT: 15 TH: 45

4. Số lần kiểm tra 2 Thi hết môn 2 Điểm môn học 2

5. Số chứng chỉ: 1

6. MÔ TẢ MÔN HỌC :

Môn học cung cấp các kiến thức bệnh học và phẫu thuật về bệnh lý thoát vị ổ bụng.

7. MỤC TIÊU HỌC TẬP:

Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

1. Trình bày được kiến thức sâu về các bệnh lý thoát vị.
2. Thực hiện được các phẫu thuật cơ bản trong điều trị bằng phẫu thuật bệnh lý thoát vị.

9. NỘI DUNG:

TT	Tên chuyên đề	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1	Thoát vị bẹn	2	5	3
2	Tắc ruột do thoát vị bẹn nghẹt	2	5	3

3	Thoát vị đùi	2	4	3
4	Thoát vị hoành	2	4	3
5	Thoát vị nội	2	4	3
6	Thoát vị vết mổ	1	4	3
7	Các phương pháp phục hồi thành bụng	1	5	3
8	Thoát vị bàng quang	1	5	3
9	Thoát vị rốn	1	5	3
10	Phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị bẹn	1	4	3
Tổng		15	45	30

9. Tài liệu giảng dạy:

1. Tài liệu do Bộ môn biên soạn
2. Bệnh học ngoại T1 : Dành cho sau đại học. - H. : Y học, 2006. – 339tr. ; 27cm
3. Bệnh học ngoại T2 : Dành cho sau đại học. - H. : Y học, 2006. - 339Tr. ; 27cm
4. Bệnh học ngoại tập 1 / Trường Đại học Y Hà Nội. - Tái bản lần 3. - H. : Y học, 2004. - 271tr ; 27cm
5. Bệnh học ngoại tập 2 / Trường Đại học Y Hà Nội. - Tái bản lần 3. - H. : Y học, 2004. - 174tr. ; 27cm.
6. Bệnh học ngoại : Tụy lách / Nguyễn Đức Ninh. - H. : Y học, 1991. - 146 tr. ; 24 cm
7. Cấp cứu ngoại khoa : Urgences chirurgicales / Chiche,B. - H.:Y học, 1992. - 196 tr.;19 cm
8. Cấp cứu ngoại khoa về bụng / Nguyễn Đức Ninh. - H. : Khoa học và kỹ thuật, 2001. - 138 tr. ; 19 cm
9. Lâm sàng ngoại khoa gan - mật - tụy. - H. : Y học, 2008. - 259tr. ; 21cm.

10. Maingot's abdominal operations / Michael J. Zinner. - 12th ed. - New York : McGraw-Hill, 2013. - 1309p. ; 28cm
11. Basic surgical operations / Foster E. M. - Edinburgh : Churchill livingstone, 2000. - 129p. ; 21cm
12. Review for surgery scientific principles and practice : Lazar J. Greenfield, Keith D. Lillemoe. Mulhollan. - 2nd ed. - New York : Williams & Wilkins, 1998. - 513 p. ; 19 cm.
13. Surgery a problem - Solving approach: Volume 1 / M. D. John H. Davis. - 7 edition.. - Melissa Martin : Mosby, 2002. - 1050 tr. ; 27 cm.

10. Phương pháp dạy học:

10.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.

10.2. Vật liệu để dạy/học: phấn, bảng, máy tính, máy chiếu projector, máy chiếu Overhead

11. Phương pháp đánh giá.

11.1. Hình thức kiểm tra và thi hết học phần:

1. Thi lý thuyết truyền thống.
2. Thi trắc nghiệm: Câu hỏi T/F, QROC, QCM

11.2. Cách tính điểm học phần:

- | | | | |
|------------------------|-----------|----------|--------------|
| 1. Số lần kiểm tra: | 2 | Trọng số | 0,2 |
| 2. Số lần thi hết môn: | | | |
| | Lý thuyết | 1 | Trọng số 0,3 |
| | Lâm sàng | 1 | Trọng số 0,3 |

Tổng trọng số 1,0

Đề cương môn học:

CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH HỆ TIÊU HÓA

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng: Bộ môn Ngoại và bộ môn chẩn đoán hình ảnh- Đại học Y Dược Hải Phòng

Cán bộ giảng dạy:

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng- Đại học Y Dược Hải Phòng
2. PGS.TS. Phạm Minh Thông - Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh- Đại học Y Hà Nội
3. PGS. TS. Phạm Văn Duyệt- Đại học Y Dược Hải Phòng
4. GS.TS. Hà Văn Quyết- Đại học Y Dược Hải Phòng

1. Mã số: YHCD.591

2. Số tín chỉ: 02 LT: 01 TH: 01

3. Số tiết học: LT: 15 TH: 45

4. Số lần kiểm tra 2 Thi hết môn 2 Điểm môn học 2

5. Số chứng chỉ: 1

6. MÔ TẢ MÔN HỌC:

Môn học cung cấp các kiến thức về chẩn đoán hình ảnh bộ máy tiêu hóa

7. MỤC TIÊU HỌC TẬP

:Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

1. Trình bày được kiến thức sâu về chẩn đoán hình ảnh hệ tiêu hóa
2. Thực hiện được các thăm dò hình ảnh phục vụ chẩn đoán, điều trị bệnh lý hệ tiêu hóa

8. NỘI DUNG:

TT	Tên chuyên đề	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1	Polyp đại trực tràng	2	5	6
2	Ung thư đại tràng	2	5	3
3	Các phương pháp làm hậu môn nhân tạo	2	4	3

4	Túi thừa đại tràng	2	6	3
5	Ung thư trực tràng	2	4	3
6	Sa trực tràng	1	6	3
7	Ung thư ống hậu môn	2	5	3
8	Rò hậu môn	1	5	3
9	Nứt kẽ hậu môn	1	5	3
Tổng		15	45	30

9. Tài liệu giảng dạy:

1. Bài giảng Chẩn đoán hình ảnh - Trường Đại học Y Hà nội. NXBYH Hà nội 2000
2. Hình ảnh điện quang - Biên dịch - NXBYH 1995.

10. Phương pháp dạy học:

10.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.

10.2. Vật liệu để dạy/học: phấn, bảng, máy tính, máy chiếu projector, máy chiếu Overhead

11. Phương pháp đánh giá.

11.1. Hình thức kiểm tra và thi hết học phần:

1. Thi lý thuyết truyền thống.
2. Thi trắc nghiệm: Câu hỏi T/F, QROC, QCM

11.2. Cách tính điểm học phần:

1. Số lần kiểm tra: 2 Trọng số 0,2
2. Số lần thi hết môn:

Lý thuyết	1	Trọng số	0,3
Lâm sàng	1	Trọng số	0,3

Tổng trọng số 1,0

Đề cương môn học:

UNG THƯ HỆ TIÊU HOÁ

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Ung bướu - Đại học Y Dược Hải Phòng.

Giảng viên môn học:

1. PGS.TS. Nguyễn Lam Hoà - Trưởng Bộ môn U bướu -Đại học Y Dược Hải Phòng
2. TS. Lê Minh Quang - Phó GD Trung tâm U bướu Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng.
3. TS. Ngô Quang Dương – Trưởng bộ môn Giải phẫu bệnh – Đại học Y Dược Hải Phòng

- | | | | |
|---------------------|----------|------------------|-------------------|
| 1. Mã số: | YHUT.592 | | |
| 2. Số Tín chỉ: 02 | LT: 01 | TH: 01 | |
| 3. Số tiết học: 60 | LT: 15 | TH: 45 | |
| 4. Số lần kiểm tra: | 2 | Thi hết học phần | 2 Điểm học phần 1 |
| 5. Số chứng chỉ: | 1 | | |

6. MÔ TẢ MÔN HỌC

Ung thư hệ tiêu hoá là một môn học rất cần thiết đối với các thầy thuốc ngoại khoa. Các thầy thuốc ngoại khoa phải nắm chắc kiến thức, hình ảnh bệnh lý trên cơ sở giải phẫu mới có thể tiến hành được các phẫu thuật, thủ thuật.

Trong quá trình học đại học, sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về ung thư. Trong quá trình học Nội trú Nghiên cứu sinh ngoại khoa, nghiên cứu sinh cần được trang bị thêm những kiến thức chuyên sâu về ung thư để thực hiện được các thủ thuật và các phẫu thuật ngoại khoa.

7. MỤC TIÊU MÔN HỌC :

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

1. Trình bày được những khái niệm cơ bản của ung thư.
2. Chẩn đoán và xử trí đúng đối với những bệnh ung thư thường gặp.

9. NỘI DUNG:

TT	Tên chuyên đề	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1	Khái niệm cơ bản 1.1. Những khái niệm cơ bản về ung thư 1.2. Nguyên nhân gây ung thư. 1.3. Sàng lọc phát hiện sớm ung thư	5	15	10
2	Chẩn đoán và điều trị 1.1. Chẩn đoán bệnh ung thư 1.2. Các phương pháp điều trị bệnh ung thư 1.3. Điều trị đau và giảm nhẹ các triệu chứng	5	15	10
3	Ung thư các cơ quan 3.1. Ung thư đại tràng và trực tràng: Chẩn đoán và điều trị 3.2. Ung thư dạ dày: Chẩn đoán và điều trị 3.3. Ung thư gan: Chẩn đoán và điều trị 3.4. Ung thư thực quản: Chẩn đoán và điều trị 3.5. Ung thư đường mật : Chẩn đoán và điều trị 3.6 Ung thư tụy : Chẩn đoán và điều trị	5	15	10
Tổng		15	45	30

9. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Thuyết trình
2. Mô hình

3. Seminar

4. Thảo luận nhóm

10. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Trường Đại học Y khoa Hà Nội. Bài giảng giải phẫu bệnh

2. Trường Đại học Y khoa Hà Nội. Bài giảng Ung thư học

Trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập:

- Kính hiển vi có màn hình

- Máy tia xạ, sinh thiết tế bào học.

- Các dụng cụ, hoá chất chuẩn bị phục vụ lấy mẫu tiêu bản chẩn đoán nhanh.

11. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn

1. thi lý thuyết truyền thống

2. Thi trắc nghiệm: Câu hỏi T/F; QCM.

2. Cách tính điểm môn học

- Kiểm tra lý thuyết 1 lần	Trọng số	0,2
- Kiểm tra thực hành 1 lần	Trọng số	0,3
- Thi hết môn	Trọng số	0,5
	Tổng số	1,0

Cách tính điểm môn học

$$\mathbf{Đ.M.H = (ĐKTLT*0,2) + (ĐTTH*0,3) + (ĐTLT*0,5)}$$

CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ

Mục đích của các chuyên đề TS nhằm trang bị thêm cho NCS năng lực nghiên cứu khoa học, rèn luyện thêm về kỹ năng tổ chức nghiên cứu, cập nhật thông tin về những vấn đề chuyên ngành liên quan trực tiếp tới đề tài luận án. Ngoài ra, phần này cũng cung cấp một số kỹ năng phân tích số liệu cụ thể có liên quan tới chủ đề nghiên cứu, giúp NCS có đủ trình độ giải quyết đề tài luận án.

Mỗi NCS phải hoàn thành 3 chuyên đề với tổng khối lượng từ 4-6 tín chỉ và một bài tiểu luận tổng quan:

1. Chuyên đề1 : Tổng quan tài liệu: (literature review):

NCS cần tiến hành thu thập các thông tin sẵn có, các nghiên cứu đó công bố trong y văn, bao gồm cả các số liệu/nghiên cứu đó công bố trên quốc tế cũng như những đề tài đó tiến hành nghiên cứu, nghiệm thu trong nước có liên quan đến chủ đề nghiên cứu của đề tài luận án.

- Nếu là những tài liệu tiếng nước ngoài, NCS cần dịch những tóm tắt (abstract/resume) sang tiếng Việt.
- Tổng quan tài liệu cần được sắp xếp theo các phần/mục hợp lý để giúp người đọc thấy được bối cảnh của vấn đề NCS định nghiên cứu xét trên bình diện quốc tế và trong nước: tác giả nào đó tiến hành làm gì, kết quả chính thu được là gì, có kết luận, khuyến nghị đặc biệt cần được áp dụng trong đề tài của NCS, có những lý thuyết gì về vấn đề nghiên cứu đang quan tâm, những vấn đề về kỹ thuật/phương pháp luận cần lưu ý, ... Tổng quan tài liệu này cũng sẽ cho phép đánh giá tính hợp lý của đề tài nghiên cứu mà NCS đó chọn, sự phù hợp của các giả thuyết nghiên cứu cũng như những thiết kế/phương pháp nghiên cứu đặt ra (NCS sau đó sẽ phải thể hiện được đề tài của mình không trùng lặp với các đề tài trước đây, thể hiện được tính sáng tạo và khả năng tư duy/làm việc độc lập).
- Tổng quan tài liệu cần dựa trên những tài liệu/nghiên cứu đã công bố trong vòng ít nhất là 5 năm trở lại đây (cá biệt có thể nêu cả những đề tài/lý thuyết

hay công trình đã công bố lâu hơn như thế, nếu đó là những công bố quan trọng, mang tính định hướng lý thuyết hay phương pháp luận cho luận án).

- Kết quả đầu ra là một quyển tiểu luận (tối thiểu khoảng 30 trang, theo định dạng lề, chữ, v.v. đã được Bộ GD-ĐT qui định). NCS sẽ phải trình bày trước tiểu ban chấm chuyên đề những nội dung chính của phần tổng quan tài liệu này.

2. Chuyên đề 2: Phát triển nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu sinh cần phải đưa các thu thập thông tin nghiên cứu của các môn, ngành liên quan với chủ đề nghiên cứu của đề tài luận án. Nội dung chuyên đề nghiên cứu phù hợp để giúp cho người đọc thấy được nghiên cứu sinh có hiểu biết sâu, mở rộng sang các chuyên ngành, môn học y học liên quan mật thiết với đề tài luận án. Chuyên đề cũng sẽ cho phép đánh giá tính hợp lý của đề tài nghiên cứu mà nghiên cứu sinh đó chọn, sự phù hợp của các giả thuyết nghiên cứu cũng như những thiết kế/ phương pháp nghiên cứu đặt ra không có sự trùng lặp với các đề tài trước đây, thể hiện được tính sáng tạo và khả năng tư duy/ làm việc độc lập.

- Kết quả đầu ra là một quyển tiểu luận (tối thiểu khoảng 30 trang, theo định dạng lề, chữ... đó được Bộ Giáo dục - Đào tạo quy định). Nghiên cứu sinh sẽ phải trình bày trước tiểu ban chấm chuyên đề những nội dung chính của phần chuyên đề 2.

3. Chuyên đề 3: Chuyên đề chuyên sâu

Nghiên cứu sinh sẽ đăng ký chuyên đề về kết quả điều trị dựa trên phương pháp luận/ Phân tích số liệu (advanced methodology and data analysis techniques). Chuyên đề nghiên cứu này cũng thể hiện rõ kết quả thu được của đề tài nghiên cứu, tính ứng dụng hay còn gọi là giá trị đích thực của đề tài nghiên cứu luận án.

- Kết quả đầu ra của chuyên đề 3 (chuyên đề sâu) là một quyển tiểu luận (tối thiểu khoảng 30 trang, theo định dạng lề, chữ... được Bộ Giáo dục – Đào

tạo quy định). Nghiên cứu sinh sẽ phải trình bày trước tiểu ban chấm chuyên đề những nội dung chính của phần chuyên đề sâu.

- Các chuyên đề tiến sĩ được tiến hành trên cơ sở tự học và tự nghiên cứu một cách độc lập của nghiên cứu sinh dưới sự giúp đỡ của người hướng dẫn khoa học. Việc đánh giá và chấm điểm chuyên đề được thực hiện trên cơ sở chấm cuốn báo cáo chuyên đề (đã nêu trên) và việc nghiên cứu sinh trình bày tóm tắt trước tiểu ban chấm chuyên đề trong một buổi sinh hoạt khoa học của Khoa/ Bộ môn hay Nhà trường.

4. Bài tiểu luận tổng quan : về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài, luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

- Tiểu ban chấm chuyên đề gồm ít nhất 3 thành viên, chuyên đề chấm tiểu luận tổng quan gồm 5 thành viên là những người có học vị TS, TSKH hoặc chức danh PGS, GS, hiểu biết sâu về chuyên đề của NCS. Hiệu trưởng - Chủ tịch hội đồng Khoa học Đào tạo của Trường ĐH Y Hải Phòng (hoặc người được hiệu trưởng ủy nhiệm) sẽ ra quyết định thành lập Tiểu ban chấm chuyên đề. Tiểu ban được thành lập trên cơ sở để đánh giá từng NCS chứ không tiến hành đánh giá chung nhiều NCS trong một phiên làm việc. Thành viên các tiểu ban chấm chuyên đề cần bao gồm ít nhất 1 nhà khoa học không thuộc Trường ĐH Y Dược Hải Phòng.

Phần III: Luận án tiến sĩ

- Nội dung và hình thức luận án tuân theo đúng quy định hiện hành của Bộ GD-ĐT
- Việc tiến hành mời giáo viên hướng dẫn, tổ chức bảo vệ đề tài cấp cơ sở, thành lập hội đồng chấm luận án TS, v.v. tuân theo các qui định hiện hành của Bộ GD-ĐT.

IV. Dự kiến kinh phí đào tạo

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG:

- Để tiến hành đề tài, đề cương luận án của NCS cũng phải tuân theo các quy trình xét duyệt như các nghiên cứu của Trường: phải đăng ký để được Hội đồng Xét duyệt Đạo đức của Trường xem xét và phê duyệt theo quy định chung
- NCS có trách nhiệm tự tìm các nguồn kinh phí để thực hiện đề tài luận án TS.
- Trong trường hợp NCS có nhu cầu xin được hỗ trợ về kinh phí nghiên cứu từ phía nhà trường, NCS cần nộp đề cương cho phòng Quản lý Nghiên cứu Khoa học của Trường, đề nghị xin hỗ trợ kinh phí, cùng với dự trù kinh phí chi tiết cho lãnh đạo nhà trường. Trong điều kiện cho phép, Ban Giám hiệu có thể xét cấp kinh phí cho đề tài từ các nguồn khác nhau (bao gồm cả các dự án có kinh phí cho nghiên cứu tại nhà trường).
- Với các nghiên cứu dự định tiến hành tại các cơ sở thực địa chiến lược của nhà trường (ví dụ), bao gồm đề tài hoàn toàn mới, hay đề tài có dựa trên và / hoặc sử dụng (một phần hay toàn bộ) các số liệu đang được nhà trường thu thập, NCS phải nộp đề cương cho Hội đồng Khoa học nhà trường và tuân thủ các quy trình xét duyệt đó được ban hành có liên quan tới các cơ sở thực địa này (bất kể việc kinh phí thực hiện đề tài được cấp từ nguồn nào)

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. CHƯƠNG TRÌNH: Ngoại tiêu hoá

2. KẾ HOẠCH SẮP XẾP NỘI DUNG VÀ QUỸ THỜI GIAN

2.1. Nội dung

Sắp xếp lịch học theo thứ tự sau:

* Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ

- + Các môn học đại cương, môn học cơ sở và môn lựa chọn học trong học kỳ I
- + Các môn học hỗ trợ và môn học chuyên ngành học trong học kỳ II, III, IV.
- + Riêng môn ngoại ngữ học xen kẽ với các môn học trên trong các học kỳ I, II, III.

* Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ

- + Học các môn học ở trình độ tiến sĩ và các môn học tự chọn trong học kỳ I
- + Dành thời gian để viết các chuyên đề và làm luận án tốt nghiệp
- + Số tiết học để thuận cho việc tính toán chúng tôi quy ước như sau:

1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết chuẩn = 15 tiết lý thuyết

1 tín chỉ thực hành tại khoa lâm sàng hoặc phòng xét nghiệm = 15 tiết chuẩn = 30 tiết thực hành.

2.2. Quỹ thời gian (tính theo tuần):

Học kỳ	Học tập	Thi	Tết/Hè	Tổng
I	15	2	3	20
II	15	2	2	20
III	15	2	3	20
IV	15	4	2	30
Tổng	60	10	10	80

. Kiểm tra, thi.

3.1. Kiểm tra sau mỗi môn học: kiểm tra lý thuyết

3.2. Thi sau mỗi môn học để có chứng chỉ

Thi lý thuyết (truyền thống), thi thực hành tay nghề.

3.3. Cách tính điểm

- Thi lý thuyết: Thang điểm 10

- Thi thực hành tay nghề: Làm thủ thuật- thang điểm 10

- Thiếu điểm hoặc không đạt điểm môn học nào thì thi lại môn học đó (chỉ thi lại môn đó (chỉ thi lại một lần).

* 2 điểm thi này độc lập và tương đương nhau.

3.4. Đánh giá và Bảo vệ luận án

- Được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành chương trình học tập và đề cương (bài luận) đó được hội đồng đánh giá luận án thông qua.

- Mỗi nghiên cứu sinh có không quá 02 thầy hướng dẫn có trình độ và kinh nghiệm có học vị từ Tiến sĩ trở lên (sau khi nhận bằng tiến sĩ tròn 3 năm). Trường hợp có hai thầy cùng hướng dẫn, cơ sở đào tạo quy định rõ vai trò, trách nhiệm của người hướng dẫn thứ nhất (người hướng dẫn chính) và người hướng dẫn thứ hai.

Đánh giá luận án cấp cơ sở (đơn vị chuyên môn)

- Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở gồm 7 thành viên, có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, am hiểu về lĩnh vực đề tài nghiên cứu, trong đó số thành viên ngoài cơ sở đào tạo có ít nhất hai nhà khoa học. Hội đồng gồm Chủ tịch, Tư ký, hai phản biện và các uỷ viên Hội đồng. Mỗi thành viên chỉ đảm nhiệm một chức trách trong Hội đồng

- Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên của Hội đồng đọc luận án và viết nhận xét trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án.

Đánh giá luận án cấp trường hoặc viện

- Hội đồng đánh giá luận án cấp trường hoặc viện gồm 7 thành viên, bao gồm giáo sư, phó giáo sư, trong đó số thành viên thuộc cơ sở đào tạo không quá 3 người. Thành viên hội đồng những nhà khoa học có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín chuyên

môn, am hiểu vấn đề nghiên cứu của luận án, có công trình liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh công bố trong vòng 03 năm tính đến khi được mời tham gia Hội đồng. Số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư ít nhất là 2 người, thành viên tiến sĩ phải sau khi nhận bằng đủ 36 tháng tính đến ngày thành lập Hội đồng.

- Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, ba người phản biện và các uỷ viên. Mỗi thành viên chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng. Chủ tịch hội đồng là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, đúng chuyên ngành với luận án. Các phản biện phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó. Người phản biện có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án. Các phản biện phải là người ở các đơn vị khác nhau, không là cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh, không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án, không sinh hoạt cùng đơn vị chuyên môn với nghiên cứu sinh.

- Người hướng dẫn nghiên cứu sinh, người có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp trường hoặc viện.

- Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Các thành viên trong Hội đồng chỉ được bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án đạt yêu cầu khi có 6/7 hoặc 5/6 thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu tán thành.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chừ*